**TUẦN 11 Thứ hai, ngày 14 tháng 11 năm 2022**

**THỂ DỤC**

**GVBM**

**TOÁN**

***Tiết 51:* NHÂN VỚI 10, 100, 1000, . . .**

**CHIA CHO 10, 100, 1000, . . .**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000,… và chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000,…

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện tốt việc nhân nhẩm với 10, 100, 1000,...

**3. Phẩm chất**

- HS có Phẩm chất học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1: a) cột 1, 2; b) cột 1, 2; bài 2 (3 dòng đầu)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Nêu tính chất giao hoán của phép nhân*  - GV giới thiệu vào bài | - TBHT điều hành lớp trả lời:  *+ Khi đổi chỗ các thừa số trong 2 tích thì tích đó không đổi.* |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết cách thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000,… và chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000,…  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| ***\* Nhân một số với 10***  - GV viết lên bảng phép tính 35 x 10.  *+ Dựa vào tính chất giao hoán của phép nhân, bạn nào cho biết 35 x 10 bằng bao nhiêu?*  *+ 10 còn gọi là mấy chục?*  *+ Vậy 10 x 35 = 1 chục x 35.*  *+ 1 chục nhân với 35 bằng bao nhiêu?*  *+ 35 chục là bao nhiêu?*  *+ Vậy 10 x 35 = 35 x 10 = 350.*  *+ Em có nhận xét gì về thừa số 35 và kết quả của phép nhân 35 x 10?*  *+ Vậy khi nhân một số với 10 chúng ta có thể viết ngay kết quả phép tính như thế nào?*  - Hãy thực hiện:  12 x 10  457 x 10  ***\* Chia số tròn chục cho 10***  - GV viết lên bảng phép tính 350: 10 và yêu cầu HS suy nghĩ để nhẩm kết quả.  *+ Tại sao em đọc được ngay kết quả?*    *+ Có nhận xét gì về số bị chia và thương trong phép chia 350: 10 = 35?*  *+ Nêu quy tắc chia một số cho 10*  - Hãy thực hiện:  70: 10  2 170: 10  *\** Hướng dẫn nhân một số tự nhiên với 100, 1000, … chia số tròn trăm, tròn chục, tròn nghìn, … cho 100, 1000*, …:*  - GV hướng dẫn HS tương tự như nhân một số tự nhiên với 10, chia một số tròn trăm, tròn nghìn, … cho 100, 1000, …  ***\* Kết luận:***  + Khi nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000, … ta làm như thế nào?  + Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, … cho 10, 100, 1000, … ta làm như thế nào? | **Cá nhân - Nhóm 2-Lớp**  - Đọc phép tính  *+ 35 x 10 = 10 x 35*  *+ Là 1 chục.*  *+ Bằng 35 chục.*  *+ Là 350.*  *+ Kết quả của phép tính nhân 35 x 10 chính là thừa số thứ nhất 35 thêm một chữ số 0 vào bên phải.*  ***+ Khi nhân một số với 10 ta chỉ việc viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số đó***.  - HS nhẩm và nêu kết quả  12 x 10 = 120  457 x 10 = 4570  - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm 2, nêu đáp án: 350 : 10 = 35  *+Ta có 35 x 10 = 350. Vậy khi lấy tích chia cho một thừa số ta được kết quả là TS còn lại*  *+ Thương chính là số bị chia bớt đi một chữ số 0 ở bên phải*.  ***+ Khi chia một số cho 10, ta chỉ việc bớt đi một chữ số 0 ở bên phải số đó.***  - HS nhẩm và nêu:  70: 10 = 7  2 170: 10 = 217  - HS tự thực hiện phép tính, rút ra kết quả và nêu quy tắc nhân, chia  + Ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba, … chữ số 0 vào bên phải số đó.  + Ta chỉ việc bỏ bớt đi một, hai, ba, … chữ số 0 ở bên phải số đó. |
| **3. HĐ thực hành (17p)**  **\* Mục tiêu**: HS thực hiện tốt việc nhân nhẩm, chia nhẩm với 10, 100, 1000,...  **\* Cách tiến hành** | |
| ***Bài 1 (cột 1+2)HSNK làm cả bài:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  \* Lưu ý đối tượng M1+M2  + Muốn nhân với 10, 100, 1000,... ta làm như thế nào?  + Muốn chia cho 10, 100, 1000,... ta làm như thế nào?  ***Bài 2: (3 dòng đầu) HSNK làm cả bài***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV viết lên bảng 300 kg = … tạ và yêu cầu HS thực hiện phép đổi.  - GV chữa bài và yêu cầu HS giải thích cách đổi của mình, nhận xét bài làm của HS.  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | **Cá nhân – Lớp**  - 1 HS đọc: Tính nhẩm  - Hs chơi trò chơi Chuyền điện  Đ/a:  a. 18 x 10 = 180 ;  18 x 100 = 1800 ;  18 x 1000 = 18000 ;  82 x 100 = 8200 ;  75 x 1000 = 75000  19 x 10 = 190  b. 9000: 10 = 900;  9000: 100 = 90;  9000: 1000 = 9;  6800: 100 = 68;  420: 10 = 42  2000: 1000 = 2  **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS nêu: 300 kg = 3 tạ.  - HS làm bài theo cặp- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:  70 kg = 7 yến  800 kg = 8 tạ  300 tạ = 30 tấn  - Lấy VD về chia nhẩm và nhân nhẩm với 10, 100, 1000,...  \* Bài tập PTNL:( M3+M4)  1. Đổi chố các thừa số để tính tích theo cách thuận tiện nhất.  a. 5 x 745 x 2 ; 8 x 356 x 125  b. 1250 x 623 x 8; 5 x 789 x 200  2. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:  420000 : 10 .........4200 x 10  3210 x 1000 ........32100 x 100 |

**MĨ THUẬT**

**VẼ TRANH ĐỀ TÀI : TRƯỜNG EM**

**GDTT**

**SINH HOẠT CHỦ NHIỆM**

**ĐẠO ĐỨC**

**THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIỮA HỌC KÌ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Ôn lại các kiến thức từ bài 1 đến bài 5

**2. Kĩ năng**

- Giúp HS củng cố các kĩ năng giao tiếp hằng ngày với bạn bè, thầy cô. Biết lắng nghe và bày tỏ ý kiến với người thân, thầy cô các việc xảy ra đối với mình.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức thực hiện theo bài học

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

**I. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK, thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | |
| **1.Khởi động:***(5p)* | | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Giúp HS củng cố các kĩ năng giao tiếp hằng ngày với bạn bè, thầy cô. Biết lắng nghe và bày tỏ ý kiến với người thân, thầy cô về các việc xảy ra đối với mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | | | |
| **HĐ1: Vận dụng kiến thức**  **+** Hãy nêu một số việc làm thể hiện tính trung thực trong học tập mà chính bản thân em đã thực hành?  + Trong học tập và cuộc sống em đã gặp những khó khăn gì và đã vươn lên như thế nào. Hãy kể cho cả lớp cùng nghe.  + Để tiết kiệm tiền của em cần làm gì? Vì sao?  + Tai sao em và mọi người cần phải tiết kiệm thời giờ?  + Trong cuộc sống khi gặp những việc có liên quan đến mình mà không giải quyết được, em cần làm gì để mọi người giúp đỡ?  **HĐ2: Kể chuyện**  -Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, thực hiện các nhiệm vụ sau:  + Em hãy kể lại một mẫu chuyện hoặc tấm gương về trung thực trong học tập mà em biết?  + Hãy kể lại một tấm gương vượt khó trong học tập mà em cảm phục?  + Em hãy kể về một tấm gương biết vươn lên vì hoàn cảnh gia đình nghèo mà vẫn học giỏi (trên báo, sách, ti vi) mà em đã được đọc, xem?  + GV nhận xét và khen.  **HĐ3: Thực hành**  + Hãy trình bày thời gian biểu của em trước lớp và trao đổi với các bạn trong lớp mình về thời gian biểu của em?  + GV nhận xét và khen.  **3. HĐ vận dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo (1p)** | **Cá nhân – Lớp**  + Khi kiểm tra không nhìn bài của bạn, không nhìn SGK,. . .  + Trong học tập: Gặp một số bài toán khó, hay bài văn khó em không làm được nhưng em đã cố gắng tự nỗ lực mình khắc phục những khó khăn,.  + Em cần giữ gìn sách vở sạch sẽ, tiết kiệm và giữ gìn dụng cụ học tập, không xé vở, . . . .  +Thời giờ là thứ quý nhất, vì khi nó dã trôi qua thì không bào giờ. . .  + Em cần biết bày tỏ để mọi người biết và giúp đỡ em.  **Cá nhân- Nhóm – Lớp**  - HS làm theo nhóm.  - HS có thể tự liên hệ trong và ngoài lớp hoặc trong trường mà mình biết).  - Câu chuyện kể về chú bé Nguyễn Hiền “ Ông trạng thả diều”  - Câu chuyện “ Có ngày hôm nay” . kể về bạn Trần Quang Thái ở Phan Thiết. . . .  **Cá nhân – Lớp**  - HS trình bày.  - Cả lớp cùng thảo luận.  - Nhận xét, bổ sung.  - Thực hành theo bài học  - Nhắc nhở những người xung quanh cùng thực hiện theo các hành vi đạo đức chuẩn mực | |

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**BA THỂ CỦA NƯỚC (theo PP BTNB)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được nước tồn tại ở ba thể: lỏng, khí, rắn.

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm về sự chuyển thể của nước từ thể lỏng sang thể khí và ngược lại.

.**3. Phẩm chất**

- Yêu thích khoa học, thích tìm hiểu các loại vật chất xung quanh.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\*BVMT:*** *Nước là vô cùng thiết yếu với cuộc sống con người nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay con người. Bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình minh hoạ trang 45 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Sơ đồ sự chuyển thể của nước viết hoặc dán sẵn trên bảng lớp.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: Cốc thuỷ tinh, nến, nước đá, giẻ lau, nước nóng, đĩa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của giáo viên** | **Hoạt đông của của học sinh** |
| **1, Khởi động *(4p)***  *+ Nước có những tính chất gì?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. | - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Nước không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định, chảy từ cao xuống thấp và lan ra mọi phía.* |
| **2. Khám phá:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Làm thí nghiệm chvận tỏ nước tồn tại ở 3 thể : rắn, lỏng, khí.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **a. Tình huống xuất phát và nêu vấn đề:**  *+ Theo em, trong tự nhiên, nước tồn tại ở những dạng nào?*  - GV yêu cầu HS nêu một số ví dụ về các thể của nước .  + Em biết gì về sự tồn tại của nước ở các thể mà em vừa nêu ?  **b. Biểu tượng ban đầu của HS:**  - Gv yêu cầu học sinh ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học về sự tồn tại của nước ở các thể vừa nêu , sau đó thảo luận nhóm thống nhất ý kiến để trình bài vào bảng nhóm.  **c. Đề xuất câu hỏi và phương án tìm tòi**  - Từ việc suy đoán của học sinh do các cá nhân (các nhóm) đề xuất, GV tập hợp thành các nhóm biểu tượng ban đầu rồi hướng dẩn HS so sánh sự giống nhau và khác nhau của các ý kiến ban đầu, sau đó giúp các em đề xuất các câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu sự tồn tại của nước ở ba thể lỏng, rắn và khí.  - GV tổng hợp các câu hỏi của các nhóm (chỉnh sửa và nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung tìm hiểu về sự tồn tại của nước ở ba thể : lỏng, khí, rắn).VD:  + Khi nào thì nước ở thể lỏng chuyển thành thể rắn và ngược lại ?  + Khi nào thì nước ở thể lỏng chuyễn thành thể khí và ngược lại ?  + Nước ở ba thể lỏng, khí và rắn có những điểm nào giống và khác nhau?  - GV tổ chức cho học sinh thảo luận, đề xuất phương án tìm tòi để trả lời 3 câu hỏi trên.  **d. Thực hiện phương án tìm tòi :**  - GV yêu cầu học sinh viết dự đoán vào vở ghi chép khoa học trước khi làm thí nghiệm nghiên cứu với các mục : câu hỏi, dự đoán, cách tiến hành, kết luận rút ra.  - GV nên gợi ý để các em làm các thí nghiệm như sau :  \*Để trả lời câu hỏi *: khi nào thì nước ở thể rắn chuyển thành thể lỏng và ngược lại ?* GV có thể sử dụng thí nghiệm :  + Bỏ một cục đá nhỏ ra ngoài không khí, một thời gian sau cục đá tan chải thành nước (nên làm thí nghiệm này đầu tiên để có kết quả mong đợi) (quá trình nước chuyễn từ thể rắn sang thể lỏng). Nên yêu cầu học sinh sử dụng nhiệt kế để đo được nhiệt độ khi đá tan chảy thành nước.  + Quá trình nước chuyễn thành thể lỏng thành thể rắn : GV sử dụng cách tạo ra đá từ nước bằng cách tạo ra hổn hợp 1/3 muối + 2/3 nước đá (đá đập nhỏ). Sau đó đổ 20 ml nước sạch vào ống nghiệm, cho ống nghiệm ấy vào hổn hợp đá và muối, lưu ý phải để yên một thời gian để nước ở thể lỏng chuyễn thành thể rắn. Lưu ý : trong quá trình tạo ra đá, GV nhắc nhở HS không để hổn hợp muối và đá rơi vào ống nghiệm. Yêu cầu học sinh sử dụng nhiệt kế đo nhiệt độ của nước trong ống nghiệm để theo dõi được nhiệt độ khi nước ở thể lỏng chuyển thành thể rắn.  \*Để trả lời câu hỏi : khi nào thì nước ở thể lỏng chuyễn thành thể khí và ngược lại? GV có thể sử dụng các thí nghiệm : làm thí nghiệm như hình 3 trang 44/ SGK : đổ nước sôi vào cốc, đậy đĩa lên. HS quan sát sẽ thấy được nước bay hơi lên chính là quá trình nước chyễn từ thể lỏng sang thể khí.(quá trình nước từ thể khí sang thể lỏng). HS cũng có thể dùng khăn ướt lau bàn hoặc bảng, sau một thời gian ngắn mặt bàn và bảng sẽ khô)  - Trong quá trình học sinh làm các thí nghiệm trên, GV yêu cầu học sinh lưu ý đến tính chất của 3 thể của nước để trả lời cho câu hỏi còn lại.  **e. Kết luận kiến thức:**  - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả sau khi tiến hành thí nghiệm.  (Qua các thí nhiệm, học sinh có thể rút ra được kết luận : Khi nước ở 00c hoặc dưới 00c với một thời gian nhất định ta sẽ có nước ở thể rắn. Nước đá bắt đầu tan chảy thành nước ở thể lỏng khi nhiệt độ trên 00c. khi nhiệt độ lên cao, nước bay hơi chuyển thành thể khí. Khi hơi nước gặp không khí lạnh hơn sẽ ngưng tụ lại thành nước. Nước ở ba thể điều trong suốt, không màu, không mùi, không vị. Nước ở thể lỏng và thể khí không có hình dạng nhất định. Nước ở thể rắn có hình dạng nhất định.)  - GV hướng dẫn học sinh so sánh lại với các suy nghĩ ban đầu của mình ở bước hai để khắc sâu kiến thức.  - GV ghi tên bài.  **3. HĐ vận dụng *(1p)***  GDBVMT:*Nước là vô cùng thiết yếu với cuộc sống con người nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay con người. Bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước*  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Nếu vận dụng 3 thể của nước trong thực tế? | *+ dạng lỏng, dạng khói, dạng đông cục ...*  -HS nêu  -HS trình bày  \*VD : các ý kiến khác nhau của học sinh về sự tồn tại của nước trong tự nhiên ở ba thể như :  + Nước tồn tại ở dạng đông cục rất cvận và lạnh  + Nước có thể chuyển từ dạng rắn sang dạng lỏng và ngược lại.  + Nước có thể từ dạng lỏng chuyển thành dạng hơi.  + Nước ở dạng lỏng và rắn thường trong suốt, không màu, không mùi, không vị;  + Ở cả ba dạng thì tính chất của nước giống nhau  + Nước tồn tại ở dạng lạnh và dạng nóng, hoặc nước ở dạng hơi …  \*VD về các câu hỏi liên quan đến sự tộn tại của nước ở 3 thể:  + Nước có ở dạng khói không ?  + Khi nào nước có dạng khói ?  + Vì sao nước đông thành cục ?  + Nước có tồn tại ở dạng bong bóng không?  + Vì sao khi nước lạnh lại bốc hơi ?  + Khi nào nước đông thành cục?  + Tại sao nước sôi lại bốc khói?  + Khi nào nước ở dạng lỏng?  + Vì sao nước lại có hình dạng khác nhau?  + Tại sao nước đông thành đá gặp nóng thì tan chảy?  + Nước ở ba dạng lỏng, đông cục và hơi có những điểm nào giống và khác nhau ? ......  - Học sinh thảo luậ nhóm để có thể đề xuất nhiều cách khác nhau.  -HS tiến hành thí nghiệm theo nhóm 6 để tìm câu cho các câu hỏi và điền thông tin vào các mục còn lại trong vở ghi chép khoa học.  - HS trình bày  - HS nêu  - HS nêu một số VD khác chvận tỏ được sự chuyển thể của nước.  - HS nêu biện pháp bảo vệ nguồn nước  - Trong thực tế cuộc sống hằng ngày con người biết vận dụng vào cuộc sống như chạy máy hơi nước, chưng cất rựơu, làm đá ………nước |

**Thứ ba, ngày 15 tháng 11 năm 2022**

**THỂ DỤC**

**GVBM**

**TOÁN**

***Tiết 52:* TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân trong thực hành tính.

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (a), bài 2 (a)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : Bảng phụ kẻ sẵn bảng số có nội dung như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | (a x b) x c | a x (b x c) |
| 3 | 4 | 5 |  |  |
| 5 | 2 | 3 |  |  |
| 4 | 6 | 2 |  |  |

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động *(5p)***  **-** HS chơi trò chơi: Xì điện  900 x 10 = 68000 : 10 =  123 x 100 = 420 : 10 =  32 x 1000 = 2000 : 1000 =  - GV chuyển ý vào bài mới | **-** HS tham gia trò chơi  - Phát biểu lại cách nhân, chia với 10, 100, 1000,... |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| ***a So sánh giá trị của các biểu thức***  - GV viết biểu thức:  (2 x 3) x 4 và 2 x (3 x 4)  - GV yêu cầu HS tính giá trị của hai biểu thức, rồi so sánh giá trị của hai biểu thức này với nhau.    - GV làm tương tự với các cặp biểu thức khác:  (5 x 2) x 4 và 5 x (2 x 4)  (4 x 5) và 4 x (5 x 6)    ***b. Giới thiệu tính chất kết hợp của phép nhân***  - GV treo lên bảng bảng số như đã giới thiệu ở phần đồ dùng dạy học.  - GV yêu cầu HS thực hiện tính giá trị của các biểu thức (a x b) x c và a x (b x c) để điền vào bảng.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | (a x b) x c | a x (b x c) | | 3 | 4 | 5 | (3 x 4) x5 = 60 | 3 x (4 x 5) = 60 | | 5 | 2 | 3 | (5 x 2) x 3 = 30 | 5 x (2 x 3) = 30 | | 4 | 6 | 2 | (4 x 6) x 2 = 48 | 4 x (6 x 2) = 48 |   +Hãy so sánh giá trị của biểu thức **(a x b) x c** với giá trị của biểu thức **a x (b x c)** trong bảng?  - Ta có thể viết:  **(a x b) x c = a x (b x c).**  ***\*KL: Vậy khi thực hiện nhân một tích hai số với số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.*** | **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS thực hiện cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  - HS tính và so sánh:  **(2 x 3) x 4 = 6 x 4 = 24 Và 2 x (3 x 4) = 2 x 12 = 24**    **Vậy (2 x 3) x 4 = 2 x (3 x 4)**  - HS tính giá trị của các biểu thức và nêu:  (5 x 2) x 4 = 5 x (2 x 4)  (4 x 5) x 6 = 4 x (5 x 6)  - HS đọc bảng số.  - 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS thực hiện tính ở một dòng để hoàn thành bảng  + Bằng giá trị của biểu thức **a x (b x c).**  - HS đọc: (a x b) x c = a x (b x c).  - HS đọc ghi nhớ. |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Bước đầu biết vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân trong thực hành tính.  **\* Cách tiến hành** | |
| ***Bài 1a: HSNK làm cả bài***  Tính bằng hai cách theo mẫu.  - GV hướng dẫn bài tập mẫu theo SGK.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần)  - GV chốt đáp án.  \*Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2a: HSNK làm cả bài***  *+ Dựa vào tính chất nào, em tính thuận tiện được?*  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. 4 x 5 x 3  (4 x 5) x 3 4 x (5 x 3)  = 20 x 3 = 4 x 15  = 60 = 60  b. 3 x 5 x 6  (3 x 5) x 6 3 x (5 x 6)  = 15 x 6 = 3 x 30  = 90 = 90  **Cá nhân – Lớp**  Đ/a:  a. 13 x 5 x 2 5 x 2 x 34  = 13 x (5 x2) = (5 x 2) x 34  = 13 x 10 = 10 x 34  = 130 = 340  *+ Dựa vào t/c giao hoán và kết hợp của phép nhân*  - HS làm bài vào vở Tự học  Bài giải  Có tất cả số học sinh là:  8 x 15 x 2 = 240 (học sinh)  Đáp số: 240 học sinh  - Ghi nhớ tính chất giao hoán  \* Bài tập PTNL:(M3+M4)  1. Một cửa hàng có 7 gian chứa muối, mỗi gian có 85 bao muối, mỗi bao muối nặng 5 yến. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam muối? (Giải bằng hai cách). |

**TẬP ĐỌC**

**ÔNG TRẠNG THẢ DIỀU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nghĩa một số từ ngữ trong bài: dòng dõi quan sang, bất giác, cây bông,...

- Hiểu ND bài: HS hiểu nội dung: Ca ngợi chú bé Nguyễn Hiền thông minh, có ý chí vượt khó nên đã đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi (trả lời được câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.

**3. Phẩm chất**

- GD HS tinh thần vượt khó trong học tập và cuộc sống.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 104, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu chủ điểm:  *+ Chủ điểm hôm nay chúng ta học có tên là gì? Tên chủ điểm nói lên điều gì?*  *+ Hãy mô tả những gì em nhìn thấy trong tranh minh họa.*  ***- Chủ điểm Có chí thì nên sẽ giới thiệu các em những con người có nghị lực vươn lên trong cuộc sống. Câu chuyện về một chú bé thần đồng Nguyễn Hiền – thích chơi diều mà ham học, đã đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi, là vị Trạng nguyên trẻ nhất nước ta***. | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  *+ Chủ điểm: Có chí thì nên. Tên chủ điểm nói lên con người có nghị lực, ý chí thì sẽ thành công.*  *+ Tranh minh hoạ vẽ những em bé có ý chí cố gắng trong học tập: các em chăm chú nghe thầy giảng bài, những em bé mặc áo mưa đi học, những em bé chăm chỉ học tập, nghiên cứu và thành những người tài giỏi, có ích cho xã hội.*  - Lắng nghe. |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, mạch lạc với giọng kể chậm rãi, phát âm đúng, bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, hiểu nghĩa một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể chuyện: chậm rãi, cảm hvận ca ngợi, nhấn giọn những từ ngữ nói về đặc điểm tính cách, sự thông minh, tính cần cù, chăm chỉ của Nguyễn Hiền. Đoạn cuối bài đọc với giọng sảng khoái.  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) | - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 4 đoạn:  (mỗi chỗ xuống dòng là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*kinh ngạc,mảnh gạch vỡ, vi vút,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - GV yêu cầu đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Nguyễn Hiền sống ở đời vua nào?*  *+ Cậu bé ham thích trò chơi gì?*  *+ Những chi tiết nào nói lên tư chất thông minh của Nguyễn Hiền?*  *+ Đoạn 1,2 cho em biết điều gì?*  *+ Những chi tiết cho thấy Nguyễn Hiền ham học và chịu khó?*  *+ Nội dung đoạn 3 nói lên điều gì?*  *+ Vì sao chú bé Hiền được gọi là “Ông trạng thả diều”?*  *+ Câu thành ngữ, tục ngữ nào nói đúng ý nghĩa câu chuyện: Tuổi trẻ tài cao/ Có chí thì nên/ Công thành danh toại*  ***- GV: Cả ba câu tục ngữ, thành ngữ trên đều có nét nghĩa đúng với nội dung truyện. Nguyễn Hiền là người tuổi trẻ, tài cao, là người công thành danh toại . Những điều mà câu chuyện muốn khuyên chúng ta là có chí thì nên. Câu tục ngữ có chí thì nên nói đúng ý nghĩa của câu chuyện nhất.***  *+ Câu chuyện khuyên ta điều gì?* | - 1 HS đọc  - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi *(5p)*  - TBHT điều hành việc báo cáo, nhận xét  *+ Nguyễn Hiền sống ở đời vua Trần Nhân Tông, gia đình cậu rất nghèo.*  *+ Cậu bé ham thích chơi diều.*  *+ Nguyễn Hiền đọc đến đâu hiểu ngay đến đó và có trí nhớ lạ thường, cậu có thể thuộc hai mươi trang sách trong ngày mà vẫn có thì giờ chơi diều.*  **- Đoạn 1, 2 nói lên tư chất thông minh của cậu bé Nguyễn Hiền.**  *+ Nhà nghèo, Hiền phải bỏ học nhưng ban ngày đi chăn trâu, Hiền đvận ngoài lớp nghe giảng nhờ. Tối đến, đợi bạn học thuộc bài rồi mượn vở của bạn. Sách của Hiền là lưng trâu, nền đất, bút là ngón tay, mảnh gạch vỡ, đèn là vỏ trvận thả đom đóm vào trong. Mỗi lần có kì thi, Hiền làm bài vào lá chuối khô nhờ bạn xin thầy chấm hộ.*  **- Đoạn 3 nói lên đức tính ham học và chịu khó của Nguyễn Hiền**  *+ Vì cậu đỗ trạng Nguyên năm 13 tuối, lúc ấy cậu vẫn thích chơi diều.*  *\*Câu trẻ tuổi tài cao nói lên Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên năm 13 tuổi. Ông còn nhỏ mà đã có tài.*  *\*Câu có chí thì nên nói lên Nguyễn Hiền còn nhỏ mà đã có chí hướng, ông quyết tâm học khi gặp nhiều khó khăn.*  *\*Câu công thành danh toại nói lên Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên, vinh quang đã đạt được.*  **- Câu chuyện khuyên ta phải có ý chí, quyết tâm thì sẽ làm được điều mình mong muốn.**  - HS nêu, ghi nội dung bài |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn số 3 của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 3  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động vận dụng** *(1 phút)*  + Em học được điều gì từ cậu bé Nguyễn Hiền?  - Liên hệ giáo dục: (liện hệ đến một số HS còn lười học, ham chơi. . . )  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* | - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - Tìm các câu thành ngữ, tục ngữ cùng ý nghĩa với câu Có chí thì nên |

**KỂ CHUYỆN**

**BÀN CHÂN KÌ DIỆU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi tấm gương Nguyễn Ngọc Ký giàu nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

**2. Kĩ năng:**

- Nghe, quan sát tranh để kể lại được từng đoạn, kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Bàn chân kì diệu (do GV kể).

**3. Phẩm chất**

- GD HS có nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ truyện trong SGK trang 107 (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: SGK, câu chuyện

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vau

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động***:(5p)*  ***-*** Gọi HS kể lại câu chuyện về ước mơ đẹp.  - GV nhận xét, khen/ động viên. | - HS kể chuyện và nêu ý nghĩa chuyện.  - Nhận xét, bổ sung. |
| **2. Hướng dẫn kể chuyện:***(8p)*  **\* Mục tiêu:** Nghe, quan sát tranh để kể lại được từng đoạn, kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Bàn chân kì diệu (do GV kể).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| *+ Bạn nào còn nhớ tác giả của bài thơ Em thương đã học ở lớp 3.*  - Câu chuyện cảm động về tác giả của bài thơ *Em thương* đã trở thành tấm gương sáng cho bao thế hệ người Việt Nam. Câu chuyện đó kể về chuyện gì?  - GV kể chuyện lần 1: Chú ý giọng kể chậm rãi, thong thả. Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả hình ảnh, hành động của Nguyễn Ngọc Kí*: Thập thò, mềm nhũn, buông thõng, bất động, nhoè ướt, quay ngoắt, co quắp,…*  - GV kể chuyện làn 2: Vừa kể vừ chỉ vào tranh minh hoạ và đọc lời phía dưới mỗi tranh. | *+ Tác giả của bài thơ Em thương là nhà thơ Nguyễn Ngọc Kí.*  - Lắng nghe.  - HS theo dõi.  - HS theo dõi GV kể và kết hợp quan sát tranh minh hoạ |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được theo lời kể của mình. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| a/. Kể chuyện theo cặp:  - Yêu cầu HS kể theo nhóm, trao đổi, kể chuyện trong nhóm. GV đi giúp đỡ từng nhóm.  b/. Kể trước lớp:  - Tổ chức cho HS kể từng đoạn trước lớp. (Mỗi nhóm cử 1 HS thi kể và kể một tranh)  \*\* GV khuyến khích các HS khác lắng nghe và hỏi lại bạn một số tình tiết trong truyện.  *+ Hai cánh tay của Kí có gì khác mọi người?*  *+ Khi cô giáo đến nhà, Kí đang làm gì?*  *+ Kí đã cố gắng như thế nào?*  *+ Kí đã đạt được những thành công gì?*  *+ Nhờ đâu mà Kí đạt được những thành công đó?*  c/. Tìm hiểu ý nghĩa truyện:  *+ Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  *+ Em học được điều gì ở Nguyễn Ngọc Kí?*  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  GV: ***Thầy Nguyễn Ngọc Kí là một tấm gương sáng về học tập, ý chí vươn lên trong cuộc sống. Từ một cậu bé bị tàn tật, ông trở thành một nhà thơ, nhà văn, là Nhà giáo ưu tú.***  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | - HS kể chuyện theo cặp. (mỗi em nối tiếp nhau kể 2 tranh). Sau đó mỗi em kể lại toàn chuyện, trao đổi về ý nghĩa chuyện.  - HS kể chuyện trước lớp.  - Một vài HS kể toàn chuyện.  - Nhận xét, đánh giá cách kể chuyên của bạn  *+ Câu chuyện khuyên chúng ta hãy kiên trì, nhẫn nại, vượt lên mọi khó khăn sẽ đạt được mong ước của mình.*  *+ Em học được ở anh Kí tinh thần ham học, quyết tâm vươn lên cho mình trong hoàn cảnh khó khăn. .* . .  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề |

**ANH VĂN**

GVBM

**CHÍNH TẢ**

**NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ-viết đúng bài CT; trình bày đúng các hình thức các khổ thơ 6 chữ.

- Làm đúng BT3 (viết lại chữ sai CT trong các câu đã cho); làm được BT (2)a phân biệt s/x.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:***(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn thơ 6chữ.  **\* Cách tiến hành:** | |
| a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS bài viết.  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+ Các bạn nhỏ trong đoạn thơ có mơ ước những gì?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  - Yêu cầu HS nhắc lại cách trình bày thơ. | - 2 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Các bạn nhỏ mong ước mình có phép lạ để cho cây mau ra hoa, kết trái ngọt, để trở thành người lớn, làm việc có ích để làm cho thế giới không còn những mùa đông giá rét, để không còn chiến tranh, trẻ em luôn sống trong hoà bình và hạnh phúc.*  *-* HS nêu từ khó viết*: hạt giống, đáy biển, đúc thành, trong ruột,…*  - Viết từ khó vào vở nháp  - Chữ đầu dòng lùi vào 2 ô. Giữa 2 khổ thơ để cách một dòng. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nhớ-viết tốt bài chính tả theo thể thơ 6 chữ  **\* Cách tiến hành:** | |
| - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt. | - HS nhớ - viết bài vào vở |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS | - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được s/x  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| **Bài 2a:** s/x?  ***- Lưu ý giúp HSNK cảm nhận vẻ đẹp của các loại quả thông qua biện pháp nghệ thuật nhân hoá và liên tưởng của tác giả.***  **Bài 3:** Viết lại các câu cho đúng chính tả  - GV giới thiệu thêm cho HS hiểu nghĩa của từng câu.  *+ Tốt gỗ hơn tốt nước sơn:* Nước sơn là vẻ ngoài Nước sơn đẹp mà gỗ xấu thì đồ vật chóng hỏng. Con người tâm tính tốt còn hơn chỉ đẹp mã vẻ ngoài.  + *Xấu người đẹp nết:* Người vẻ ngoài xấu nhưng tính nết tốt.  + *Mùa hè cá sông, mùa đông cá bể:* Mùa hè ăn cá sống ở sông thì ngon. Mùa đông ăn cá sống ở biển thì ngon.  + *Trăng mờ còn tỏ hơn sao*  *Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi*  Trăng dù mờ vẫn sáng hơn sao. Núi có lở vẫn cao hơn đồi. Người ở địa vị cao, giỏi giang hay giàu có dù sa sút thế nào cũng còn hơn những người khác *(Quan niệm không hoàn toàn đúng đắn).*  **6. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | ***Cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp***  *Lối* ***sang****- nhỏ* ***xíu****-* ***sức*** *nóng –* ***sức sống****- thắp* ***sáng***  - 1 hs đọc to đoạn thơ đã điền hoàn chỉnh.  Đ/á:  *a/. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.*  *b/. Xấu người đẹp nết.*  *c/. Mùa hè cá sông, mùa đông cá bể.*  *d/. Trăng mờ còn tỏ hơn sao*  *Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi.*  - Lắng nghe  - Viết 5 tiếng, từ chứa s/x  - Tìm các từ láy chứa s/x |

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**Nhà Lý dỜi đô ra Thăng Long**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được những lí do khiến Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La: vùng trung tâm của đất nước, đất rộng lại bằng phẳng, nhân dân không khổ vì ngập lụt.

- Vài nét về công lao của Lý Công Uẩn: Người sáng lập vương triều Lý, có công dời đô ra Đại La và đổi tên kinh đô là Thăng Long.

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được trên bản đồ vị trí của kinh đô Hoa Lư và Thăng Long

- Lập được bảng so sánh về vị trí, địa thế của Hoa Lư và Thăng Long.

**3. Phẩm chất**

- Nêu cao lòng tự hào dân tộc, tự hào thủ đô Hà Nội đã có hơn 1000 năm văn hiến.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ hành chính Việt Nam.

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, bút dạ,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Tình hình nước ta khi quân Tống xâm lược?*  *+ Diễn biến của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược.*  *+ Ý nghĩa của sự kiện lịch sử đó?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. | - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con trưởng là Đinh Liễn. . .*  *+ Đầu năm 981, quân Tống theo hai đường thuỷ và bộ. . .*  *+ Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược thắng lợi.* . . |
| **2.Khám phá:***(30p)*  ***\* Mục tiêu*** - Nêu được những lí do khiến Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La. Vài nét về công lao của Lý Công Uẩn.  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| \***HĐ1: Nhà Lý ra đời**  - GV yêu cầu HS đọc SGK từ *Năm 2005* đến *nhà Lý bắt đầu từ đây .*  *+ Sau khi Lê Đại Hành mất, tình hình nước ta như thế nào?*  *+Vì sao khi Lê Long Đĩnh mất, các quan trong triều lại tôn Lý Công Uẩn lên làm vua?*  *+ Vương triều nhà Lý bắt đầu từ năm nào?*  ***\*KL: Như vậy, năm 1009, nhà Lê suy tàn, nhà Lý tiếp nối nhà Lê xây dựng đất nước ta. Chúng ta cùng tìm hiểu về triều đại nhà Lý.***  **Hoạt động 2: Nhà Lý rời đô ra Thăng Long:**  - GV đưa ra bản đồ hành chính miền Bắc Việt Nam rồi yêu cầu HS xác định vị trí của kinh đô Hoa Lư và Đại La (Thăng Long).  - GV yêu cầu HS dựa vào lược đồ và kênh chữ trong SGK đoạn: “Mùa xuân năm 1010…. . màu mỡ này”, để lập bảng so sánh theo mẫu sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vùng đất  Nội dung  so sánh | Hoa Lư | Đại La | | - Vị trí  - Địa thế | - Không phải trung tâm  - Rừng núi hiểm trở, chật hẹp | - Trung tâm đất nước  - Đất rộng, bằng phẳng, màu mỡ |   *+Vua “Lý Thái Tổ suy nghĩ như thế nào mà quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La?”.*    ***- GV: Mùa thu năm 1010, Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La và đổi tên Đại La thành Thăng Long. Sau đó, Lý Thánh Tông đổi tên nước là Đại Việt .***  ***- GV giải thích từ “ Thăng Long” và “Đại Việt”: Theo truyền thuyết, khi vua tạm đỗ dưới thành Đại La có rồng vàng hiện lên ở chỗ thuyền ngự, vì thế vua đổi tên thành Thăng Long, có nghĩa là rồng bay lên. Sau đó năm 1054 vua Lý Thánh Tông đổi tên nước ta là Đại Việt.***  *+Thăng Long dưới thời Lý được xây dựng như thế nào?*    **3. Hoạt động vận dụng** *(1p)*.  ***-*** GV tổng kết và GD như lòng tự hào dân tộc, tự hào văn hiến  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | **Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc thầm.  *+ Sau khi Lê Đại Hành mất, Lê Long Đĩnh lên làm vua. Nhà vua tính tình bạo ngược nên lòng người rất oán hận .*  *+ Vì Lý Công Uẩn là một vị quan trong triều nhà Lê. Ông vốn là người thông minh, văn võ đều tài, đức độ cảm hóa được lòng người, khi Lê Long Đĩnh mất các quan trong triều lại tôn Lý Công Uẩn lên làm vua .*  *+ Nhà Lý bắt đầu từ năm 1009*  **Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**  - HS lên bảng xác định.  - HS lập bảng so sánh (nhóm 2)  *+ Vua thấy Đại La là vùng đất ở trung tâm, bằng phẳng, dân cư không khổ nì ngập lụt, muôn vật phong phú, tốt tươi. Ông nghĩ “Muốn cho con cháu đời sau xây dựng cuộc sống ấm no thì phải rời đô”.*  .  **+** *Thăng Long có nhiều lâu đài, cung điện, đền chùa. Dân tụ họp ngày càng đông và lập nên phố, nên phường.*  - Kể chuyện lịch sử về Lý Công Uẩn |

**Thứ tư, ngày 16 tháng 11 năm 2021**

**TOÁN**

***Tiết 53:* NHÂN VỚI SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CHỮ SỐ 0**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân với số có tận cùng là chữ số 0; vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm.

**2. Kĩ năng**

- Hs biết cách thực hiện thành thạo nhân với số có tận cùng là chữ số không.

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động *(3p)***  - Nêu tính chất kết hợp của phép nhân  - GV dẫn vào bài | - HS nêu |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách nhân với số có tận cùng là chữ số 0; vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm  **\* Cách tiến hành** | |
| ***\*Phép tính :1324 x 20=?***  *+ 20 có chữ số tận cùng là mấy?*  *+ Tách 20 thành tích của 10*  - Viết lại phép tính bài đã cho  - Hãy tính giá trị của 1324 x (2 x 10)  *+ Vậy 1324 x 20 bằng bao nhiêu?*  *+ 2648 là tích của các số nào?*  *+ Nhận xét gì về số 2648 và 26480?*  *+ Số 20 có mấy chữ số 0 ở tận cùng?*  + *Vậy khi thực hiện nhân 1324 x 20 chúng ta làm như thế nào?*  - Hãy đặt tính và thực hiện tính  1324 x 20.  - GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện phép nhân của mình.  ***\* Phép nhân 230 x 70 = ?***  - GV viết lên bảng phép nhân  230 x 70.  - Hãy tách số 230 thành tích của một số nhân với 10.  - GV yêu cầu HS tách tiếp số 70 thành tích của một số nhân với 10.  - Vậy ta có:  230 x 70 = (23 x 10) x (7 x 10)  - GV: Hãy áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân để tính giá trị của biểu thức (23 x 10) x (7 x 10).  *+ 161 là tích của các số nào?*  *+ Nhận xét gì về số 161 và 16100?*  *+ Số 230 có mấy chữ số 0 tận cùng?*  *+ Số 70 có mấy chữ số 0 tận cùng?*  *+ Vậy cả hai thừa số của phép nhân 230 x 70 có tất cả mấy chữ số 0 ở tận cùng?*  *+Vậy khi thực hiện nhân 230 x 70 ta làm thế nào?*  - Hãy đặt tính và thực hiện tính  230 x 70.  - GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện phép nhân của mình.  \* Chú ý giúp đỡ HS M1 | **Cá nhân – Lớp.**  - HS đọc phép tính.  *+ Là 0.*  *+ 20 = 2 x 10 = 10 x 2.*  - HS viết lại phép tính:  1324 x 20 = 1324 x (2 x 10)  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp  1324 x (2 x 10) = (1324 x 2) x 10  = 2648 x 10  = 26480  *+ 1324 x 20 = 26480.*  *+ 2648 là tích của 1324 x 2.*  *+ 26480 chính là 2648 thêm một chữ số 0 vào bên phải.*  *+ Có một chữ số 0 ở tận cùng.*  *+ Ta chỉ thực hiện 1324 x 2 rồi viết thêm một chữ số 0 vào bên phải tích 1324 x 2.*  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp  - Nêu cách thực hiện phép tính: Nhân 1324 với 2, được 2648. Viết thêm một chữ số 0 vào bên phải 2648 được 26480  - HS đọc phép nhân.  - HS nêu: 230 = 23 x 10.  - HS nêu: 70 = 7 x 10.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp:  (23 x 10) x (7 x 10)  = (23 x 7)x (10 x 10)  = 161 x 100 = 16100  *+ 161 là tích của 23 x 7*  *+ 16100 chính là 161 thêm hai chữ số 0 vào bên phải.*  *+ Có một chữ số 0 ở tận cùng.*  *+ Có một chữ số 0 ở tận cùng.*  *+ Có hai chữ số 0 ở tận cùng.*  *+Ta chỉ việc thực hiện 23 x 7 rồi viết thêm hai chữ số 0 vào bên phải tích 23 x7.*  - HS làm cá nhân-Chia sẻ trước lớp  - HS nêu: Nhân 23 với 7, được 161. Viết thêm hai chữ số 0 vào bên phải 161 được 16100. |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu:** Hs biết cách thực hiện thành thạo nhân với số có tận cùng là chữ số 0  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Đặt tính rồi tính.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần)  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính...  \* Chú ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2: Tính***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án, nhận xét, đánh giá vở của HS  - Củng cố cách tính và thực hiện phép tính...  ***\**** HS M3+M4 thực hiện nhẩm nhanh  **Bài 3 +bài 4 (*BT chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách tính diện tích hình chữ nhật  **4. Hoạt động vận dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) | **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo YC của GV.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp.  Đ/a:  1342 13 546 5 642  x 40 x 30 x 200 53 680 406 380 1 128 400  **Cá nhân- Lớp**  - HS làm cá nhân vào vở  Đ/a:  1 326 x 300 = 397 800  3 450 x 20 = 69 000  1 450 x 800 = 1 160 000  1 326 3450 1450  x 300 x 20 x 800  397 800 69 000 1160000    - HS làm bài vào vở Tự học  Bài 3: 30 bao gạo nặng là:  30 x 50 = 1500 (kg)  40 bao ngô nặng là:  40 x 60 = 2400 (kg)  Xe đó chở tất cả là:  1500 + 2400 = 3900 (kg)  Đáp số: 3 900 kg  Bài 4: Chiều dài tấm kính là:  30 x 2 = 60 (cm)  Diện tích tấm kính là:  30 x80 = 1800 (cm2)  Đáp số: 1800 cm2  - Ghi nhớ cách nhân nhẩm.  - Giải bài tập 3 bằng cách khác |

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ (đã, đang, sắp).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và sử dụng được các từ đó qua các BT thực hành (2, 3) trong SGK.

\* HS năng khiếu: Biết đặt câu có sử dụng từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ.

**3. Phẩm chất**

- HS có ý thức sử dụng đúng các từ bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian cho câu

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bài tập 2a viết vào giấy khổ to và bút dạ.

+ Bảng lớp viết sẵn 2 câu văn của BT 1

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** |
| 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới | | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được một số từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ (đã, đang, sắp). Nhận biết và sử dụng được các từ đó qua các BT thực hành (2, 3) trong SGK.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Bài 1:** Các từ in đậm sau đây bổ sung ý nghĩa cho những....  a.Trời ấm lại pha lành lạnh. Tết ***sắp*** đến.  b. Rặng đào ***đã*** trút hết lá.  *+ Gạch chân dưới các động từ trong câu?*  *+ Từ* ***sắp*** *bổ sung ý nghĩa gì cho động từ?*  *+ Từ* ***đã*** *bổ sung ý nghĩa gì cho động từ trút? Nó gợi cho em biết điều gì?*  **\*GV: *Từ sắp, đã bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian cho động từ chúng rất quan trọng vì cho biết sựu việc đó sắp diễn ra, đã diến ra hay đang diễn ra...***  ***\* Chú ý hs M1+M2***  **Bài 2*:*** Em chọn từ nào trong ngoặc . . .  - Kết luận, chốt đáp án.  - GV giảng kĩ cho các em hiểu ý nghĩa thời gian của từng từ qua sự việc trong đoạn văn, đoạn thơ.  ***Bài 3:***  - Chốt lời giải đúng.  - Gọi HS đọc lại truyện đã hoàn thành.  +*Tại sao lại thay “đã” bằng “đang” (bỏ từ “đã”, bỏ từ “sẽ”)?*  *+ Truyện đáng cười ở điểm nào?*  **3. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | **Nhóm 2-Lớp**  - Hs đọc nội dung bài  - HS thảo luận nhóm 2 và báo cáo trước lớp.  *+ động từ: đến, trút*  *+ Từ* ***sắp*** *bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian cho động từ. Nó gợi cho em biết đến những sự việc xảy ra ở tương lai gần.*  *+ Từ* ***đã*** *bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ* ***trút****? Nó gợi cho em biết đến những sự việc đã hoàn thành rồi.*  **Nhóm 4 – Lớp**  -HS thảo luận nhóm 4 làm bài. Nhóm nào làm xong trước báo cáo kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung để hoàn thành bài tập.  Đ/á:  \* Thứ tự từ cần điền:  a. Đã.  b. Đã, đang, sắp.  - HS giải thích tại sao mình lại điền như vậy.    **Cá nhân-Nhóm đôi-Lớp**  - Gọi HS đọc yêu cầu và truyện vui.  - HS làm cá nhân- Trao đổi nhóm 2- Báo cáo trước lớp  Đ/á:  + *Đã* thay bằng *đang*, bỏ từ *đang*, bỏ *sẽ* hoặc thay *sẽ* bằng *đang.*  - 2 HS đọc lại.  **Đãng trí**  *Một nhà bác học* ***đang*** *làm việc trong phòng. Bỗng nhiên người phục vụ bước vào, nói nhỏ với ông:*  *- Thưa giáo sư, có trộm lẻn vào thư viện của ngài.*  *Giáo sư hỏi:*  *- Nó đọc gì thế? (nó đang đọc gì thế?)*  *+ Thay “đã bằng đang” vì nhà bác học đang làm việc trong phòng làm việc.*  *+ Bỏ từ “đang” vì người phục vụ đi vào phòng rồi mới nói nhỏ với giáo sư.*  *+ Bỏ từ “sẽ” vì tên trộm đã lẻn vào phòng rồi.*  *+ Truyện đáng cười ở chỗ vị giáo sư rất đãng trí. Ông đang tập trung làm việc nên được thông báo có trộm lẽn vào thư viện thì ông chỉ hỏi tên trộm đọc sách gì? Ông nghĩ vào thư viện chỉ để đọc sách mà quên rằng tên trộm đâu cần đọc sách*. *Nó chỉ cần những đồ đạc quý giá của ông.*  - Ghi nhớ các từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ.  - Đặt câu có từ bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian cho động từ | |

**ANH VĂN (2 TIẾT)**

**GVBM**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỚI NGƯỜI THÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Xác định được đề tài trao đổi, nội dung, hình thức trao đổi ý kiến với người thân theo đề bài trong SGK.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết đóng vai trao đổi tự nhiên, cố gắng đạt mục đích đề ra..

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực, tự giác làm việc nhóm

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

*\*KNS:Thể hiện sự tự tin, lắng nghe tích cực, giao tiếp, thể hiện sự cảm thông.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Sách truyện đọc lớp 4 (nếu có).

+ Bảng phụ ghi sẵn tên truyện hay nhân vật có nghị lực , ý chí vươn lên.

+ Bảng lớp viết sẵn đề bài và một vài gợi ý trao đổi.

- HS: SGK, Sách Truyện đọc 4

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(***5p)*    - GV dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** Xác định được đề tài trao đổi, nội dung, hình thức trao đổi ý kiến với người thân theo đề bài trong SGK.  ***Đề bài: Em và người thân trong gia đình cùng đọc một truyện nói về một người có nghị lực và ý chí vươn lên. Em trao đổi với người thân về tính cách đáng khâm phục của người đó.*** | |
| *a.* ***Phân tích đề bài:***  *+ Cuộc trao đổi diễn ra giữa ai với ai?*  *+ Trao đổi về nội dung gì?*  *+ Khi trao đổi cần chú ý điều gì?*  ***\*GV: Đây là cuộc trao đổi giữa em với gia đình: bố mẹ, anh chị, ông bà. Do đó, khi đóng vai thực hiện trao đổi trên lớp học thì một bạn sẽ đóng vai ông, bà, bố, mẹ, hay anh, chị của bạn kia.***  *b.* ***Hướng dẫn tiến hành trao đổi:***  - Gọi HS đọc tên các truyện đã chuẩn bị.  -  Treo bảng phụ tên nhân vật có nghị lực ý chí vươn lên.  *+ Nhân vật của các bài trong SGK.*  *+ Nhân vật trong truyện đọc lớp 4.*  - Gọi HS nói tên nhân vật mình chọn.  - Gọi HS đọc gợi ý 2.  - Gọi HS năng khiếu làm mẫu về nhân vật và nội dung trao đổi.  \*Ví dụ: về Nguyễn Ngọc Kí.  + Hoàn cảnh sống của nhân vật (những khó khăn khác thường).  + Nghị lực vượt khó.  + Sự thành đạt.  \*Vídụ: Về vua tàu thuỷ Nguyễn Thái Bưởi.  + Hoàn cảnh sống của nhân vật (những khó khăn khác thường).  + Nghị lực vượt khó.  + Sự thành đạt.  - Gọi HS đọc gợi ý 3.  *+ Người nói chuyện với em là ai?*  *+ Em xưng hô như thế nào?*  *+ Em chủ động nói chuyện với người thân hay người thân gợi chuyện.*  ***c.Từng cặp HS thực hành trao đổi:***  \*\* Trao đổi trong nhóm.  - GV theo dõi giúp một số cặp HS gặp khó khăn.  \*\* Trao đổi trước lớp.  - Gọi HS nhận xét từng cặp trao đổi.  - Nhận xét chung  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  \* HS M3+M4 Thực hành chia sẻ lưu loát, câu văn có hình ảnh  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | - HS đọc đề bài  - Dùng phấn màu gạch chân dưới các từ ngữ quan rọng: *em với người thân cùng đọc một truyện, khâm phục, đóng vai,…*  *+ Cuộc trao đổi diễn ra giữa em với người thân trong gia đình: bố , mẹ ông bà, anh , chị, em. .*  *+ Trao đổi về một người có ý chí vươn lên.*  *+ Khi trao đổi cần chú ý nội dung truyện. Truyện đó phải cả 2 người cùng biết và khi trao đổi phải thể hiện Phẩm chất khâm phục nhân vật trong truyện.*  - Nghe  **Cá nhân- Lớp**  - 1 HS đọc thành tiếng gợi ý SGK  - Kể tên truyện nhân vật mình đã chọn.  - Đọc thầm trao đổi để chọn bạn, chọn đề tài trao đổi.  *+ Nguyễn Hiền, Lê- ô- nac- đô- đa Vin- xi, Cao Bá Quát, Bạch Thái Bưởi, Lê Duy Vận, Nguyễn Ngọc Kí,…*  *+* Niu- tơn *(cậu bé Niu- tơn),* Ben *(cha đẻ của điện thoại),* Kỉ Xương *(Kỉ Xương học bắn),* Rô- bin- xơn *(Rô- bin- xơn ở đảo hoang),*Hốc*-* kinh *(Người khuyết tật vĩ đại),* Trần Nguyên Thái *(cô gái đoạt 5 huy chương vàng),* Va- len- tin Di- cum *(Người mạnh nhất hành tinh)…*  *-* Một vài HS phát biểu.  *+* Em chọn đề tài trao đổi về nhà giáo Nguyễn Ngọc Kí.  + Em chọn đề tài trao đổi về Rô- bin- xơn.  + Em chọn đề tài về giáo sư Hốc- kinh.  - 1 HS đọc thành tiếng.  -Ông bị tật, bị liệt hai cách tay từ nhỏ nhưng rất ham học. Cô giáo ngại ông không theo được nên không dám nhận.  - Ông cố gắng tập viết bằng chân. Có khi chân co quắp, cvận đờ, không đvận dậy nổi nhưng vẫn kiên trì, luyện viết không quản mệt nhọc, khó khăn, ngày mưa, ngày nắng.  - Ông đã đuổi kịp các bạn và trở thành sinh viên của trường đại học Tổng hợp và là Nhà Giáo ưu tú.  - Từ một cậu bé mồ côi cha phải theo mẹ quảy gánh hàng rong, ông Bạch Thái Bưởi đã trở thành vua tàu thuỷ.  - Ông Bạch Thái Bưởi kinh doanh đủ nghề. Có lúc mất trắng tay vẫn không nản chí.  - Ông Bưởi đã chiến thắng trong cuộc cạnh tranh với các chủ tàu người Hoa, người Pháp, thống lĩnh toàn bộ ngành tàu thuỷ. Ông được gọi là một bậc anh hùng kinh tế.  - 1 HS đọc thành tiếng.  *+ Là bố em/ là anh em/…*  *+ Em gọi bố/ xưng con. Anh/ xưng em.*  *+ Bố chủ động nói chuyện với em sau bữa cơm tối vì bố rất khâm phục nhân vật trong truyện. / Em chủ động nói chuyện với anh khi hai anh em đang trò chuyện trong phòng,....*  **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS chọn bạn cùng nhau trao đổi. Thống nhất ý kiến. Từng HS nhận xét và bổ sung cho nhau.  - HS trao đổi trước lớp.  - Nhận xét bình chọn cặp trao đổi hay.  - Trao đổi các nội dung thực hành với người thân ở nhà.  -Nêu các chủ đề mà em đã trao đổi với người thân và đã thuyết phục được người thân đó. |

**Âm nhạc**

**ÔN TẬP BÀI HÁT: KHĂN QUÀNG THẮM MÃ VAI EM**

**KĨ THUẬT**

**KHÂU VIỀN ĐƯỜNG GẤP MÉP VẢI BẰNG MŨI KHÂU ĐỘT** **THƯA** (T2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa.

**2. Kĩ năng**

- Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

\* HS năng khiếu: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Mẫu đường gấp mép vải được khâu viền bằng các mũi khâu đột có kích thước đủ lớn và một số sản phẩm có đường khâu viền đường gấp mép vải bằng khâu đột hoặc may bằng máy (quần, áo, vỏ gối, túi xách tay bằng vải …)

- HS: Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải trắng hoặc màu, kích 20 x30cm.

+ Len (hoặc sợi), khác với màu vải.

+ Kim khâu len, kéo cắt vải, thước, bút chì. .

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp,

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - Nêu qui trình thực hiện khâu viền đường gấp mép vải?  - GV nhận xét, khen ngợi, dẫn vào bài học | - HS nêu |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **HĐ3: HS thực hành khâu viền đường gấp mép vải**  - GV gọi HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - Nêu cách khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .    - GV nhắc lại và hướng dẫn thêm một số điểm lưu ý đã nêu ở tiết 1.  - GV tổ chức cho HS thực hành và nêu thời gian hoàn thành sản phẩm.  - GV quan sát uốn nắn thao tác cho những HS còn lúng túng hoặc chưa thực hiện đúng.  **HĐ4: Đánh giá kết quả học tập của HS**.  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu tiêu chẩn đánh giá sản phẩm:  + Gấp được mép vải. Đường gấp mép vải tương đối thẳng, phẳng, đúng kỹ thuật.  + Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột.  + Mũi khâu tương đối đều, thẳng, không bị dúm.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định.    - GV nhận xét và đánh giá chung  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* | **Cá nhân**  - HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - HS nêu  *+ Bước 1: Gấp mép vải.*  *+ Bước 2: Khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .*  - HS thực hành .  - HS trưng bày sản phẩm trong nhóm  - Nhóm trưởng điều hành cách đánh giá các sản phẩm theo các tiêu chí đã nêu  - Chọn sản phẩm trưng bày trên lớp  - Thực hành khâu tại nhà  - Tạo sản phẩm từ bài học |

**Thứ năm, ngày 17 tháng 11 năm 2022**

**NĂNG KHIẾU (2 TIẾT)**

**GVBM**

**TOÁN**

***Tiết 54:* ĐỀ – XI – MÉT VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết đề-xi-mét vuông là đơn vị đo diện tích, biết kí hiệu của đề-xi-mét vuông:dm2

**2. Kĩ năng**

- Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đề-xi-mét vuông.

- Biết được 1dm2 = 100cm2. Bước đầu biết chuyển đổi từ dm2 sang cm2 và ngược lại.

**3. Phẩm chất**

- Học tập tích cực, chuyển đổi chính xác các đơn vị đo

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Vẽ sẵn trên bảng hình vuông có diện tích 1dm2 được chia thành 100 ô vuông nhỏ, mỗi ô vuông có diện tích là 1cm2.

- HS: ĐỒ DÙNG DẠY HỌC thước và giấy có kẻ ô vuông 1cm x 1cm.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động *(5p)***  ***Trò chơi: Về đúng nhà mình.***  - Cách chơi: GV ghi mỗi phép tính vào 1 miếng bìa, các em cầm trên tay vừa đi vừa hát:"Trời nắng, trời nắng thỏ đi tắm nắng,..."GV hô "Mưa to rồi, về nhà thôi" các em chạy mau về nhà của mình vơi đáp số gv ghi trên bảng. Ai chậm (sai) thì bị phạt.  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới | - HS chơi trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV |
| **2. Hình thành kiến thức (***15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết đề-xi-mét vuông là đơn vị đo diện tích.Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đề-xi-mét vuông.  **\* Cách tiến hành:**.***Cá nhân- Nhóm – Lớp*** | |
| ***a. Ôn tập về xăng- ti- mét vuông:***  + Vẽ một hình vuông có diện tích là 1cm2.  + 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh là bao nhiêu xăng- ti- mét?  ***b. Giới thiệu đề- xi- mét vuông (dm2)***  - GV treo hình vuông có diện tích là 1dm2 lên bảng và giới thiệu: Để đo diện tích các hình người ta còn dùng đơn vị là đề- xi- mét vuông.  - Hình vuông trên bảng có diện tích là 1dm2.  - Yêu cầu HS thực hiện đo cạnh của hình vuông.  + *Vậy 1dm2 chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?*  *+ Dựa vào kí hiệu xăng- ti- mét vuông, nêu cách viết kí hiệu đề- xi- mét vuông?* (GV ghi bảng: dm2)  - GV viết lên bảng các số đo diện tích: 2cm2, 3dm2, 24dm2 và yêu cầu HS đọc các số đo trên.  \* Mối quan hệ giữa cm2 và dm2  - Hãy tính diện tích của hình vuông có cạnh dài 10cm.  - 10 cm bằng bao nhiêu đề- xi- mét?  ***\*KL: Vậy hình vuông cạnh 10cm có diện tích bằng diện tích hình vuông cạnh 1dm.***  *+ Hình vuông có cạnh 1dm có diện tích là bao nhiêu?*  - Vậy 100cm2 = 1dm2.  - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ để thấy hình vuông có diện tích 1dm2 bằng 100 hình vuông có diện tích 1cm2 xếp lại.  - GV yêu cầu HS vẽ HV có diện tích 1dm2. | - HS vẽ ra giấy kẻ ô.  - 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm.  - HS đồng thanh: đề- xi- mét vuông  - Cạnh của hình vuông là 1dm.  *+ Cạnh dài 1 dm*  *+ Là kí hiệu của đề- xi- mét viết thêm số 2 vào phía trên, bên phải (dm2).*  - Một số HS đọc trước lớp.  - HS tính và nêu: S= 10cm x 10cm = 100cm2  - HS: 10cm = 1dm.    *+ Là 1dm2.*  - HS đọc: 100cm2 = 1dm2.  - HS vẽ vào giấy HV: 1cm x 1cm. |
| **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đề-xi-mét vuông.  Biết được 1dm2 = 100cm2. Bước đầu biết chuyển đổi từ dm2 sang cm2 và ngược lại.  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1: Đọc***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV ghi bảng và gọi HS đọc, HS khác nhận xét, bổ sung.  \*Chú ý hs M1+M2  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách đọc...  ***Bài 2:*** Viết theo mẫu:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV lần lượt đọc các số đo diện tích có trong bài và các số đo khác, yêu cầu HS viết theo đúng thứ tự đọc.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, chữa bài (nếu cần)  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách viết...  ***Bài 3:*** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  ***- GV: Vì đề- xi- mét vuông gấp 100 lần xăng- ti- mét vuông nên khi thực hiện đổi đơn vị diện tích từ đề- xi- mét vuông ra đơn vị diện tích xăng- ti- mét vuông ta nhân số đo đề- xi- mét vuông với 100 (thêm hai số 0 vào bên phải số đo có đơn vị là đề- xi- mét vuông).***  **Bài 4 + Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV chốt cách so sánh: Đổi 2 đơn vị đo thành 1 đơn vị đo  **4. HĐ vận dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** | **Cá nhân- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Hs nối tiếp đọc cá nhân cá số trong BT1.  Đ/a:  + 32 dm2 : ba mươi hai dm vuông  + 911 dm2 : chín trăm mười một dm vuông.  + 1952 dm2 : một nghìn chín trăm năm mươi hai dm vuông  + 492 000 dm2 :bốn trăm chín mươi hai nghìn dm vuông.  **Cá nhân – Lớp**  - HS làm cá nhan- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:  + 812 dm2 ; 1969 dm2 ; 2812 dm2   |  |  | | --- | --- | | Đọc | Viết | | Một trăm linh hai đề-xi-mét vuông | 102 dm2 | | Tám trăm mười hai đề-xi-mét vuông | 812 dm2 | | Một nghìn chín trăm sáu mươi chín đề-xi-mét vuông | 1969 dm2 | | Hai nghìn tám trăm mười hai đề-xi-mét vuông. | 2812 dm2 |   **Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**  - HS tự làm vào vở, đổi chéo kiểm tra bài.  - TBHT điều hành lớp nhận xét, chữa bài.  Đ/a:  1dm2 =100cm2 2000cm2 = 20dm2  100cm2 = 1dm2 1997dm2 = 199700cm2  48dm2 = 4800cm2 9900 cm2 = 99 dm2  - Nêu cách chuyển đổi  - HS làm bài vào vở Tự học  Bài 4: >, <, = ?  210 cm2 = 2dm210cm2  6 dm23cm2 = 603cm2  1954cm2 > 19 dm250cm2  2001cm2 < 20dm210cm2  Bài 5: a) Đ  b) S  c) S  d) S  - Ghi nhớ kí hiệu của đề-xi-mét vuông, mối quan hệ giữa dm2 và cm2  Giải bài tập: (M3+M4) Một hình chữ nhật có chiều dài 72dm, chiều rộng bằng một phần ba chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó. |

**TẬP ĐỌC**

**CÓ CHÍ THÌ NÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu lời khuyên qua các câu tục ngữ: Cần có ý chí, giữ vững mục tiêu đã chọn, không nản lòng khi gặp khó khăn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc từng câu tục ngữ với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi.

**3. Phẩm chất**

- GD HS có ý chí, giữ vững mục tiêu đã chọn, không nản lòng khi gặp khó khăn

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\* KNS: -Xác định giá trị*

*-Tự nhận thức về bản thân*

*-Lắng nghe tích cực*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 108 SGK (phóng to)

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** *(3p)*  *+ Tìm những chi tiết nói lên tư chất thông minh của Nguyễn Hiền?*  *+ Nêu nội dung bài học*  - GV dẫn vào bài mới | *+ Nguyễn Hiền học đến đâu hiểu đến đấy, có trí nhớ lạ thường. . . .*  - HS đọc nội dung bài học. |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đọc từng câu tục ngữ với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Các câu tục ngữ đọc với giọng nhẹ nhàng, chậm rại mang tính chất của một lời khuyên.  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) | - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*đã quyết, hãy lo bền chí, câu chạch, câu rùa, sóng cả,...,...,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: *nên, hành, lận, keo, cả, rã* (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu lời khuyên qua các câu tục ngữ: Cần có ý chí, giữ vững mục tiêu đã chọn, không nản lòng khi gặp khó khăn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| + Dựa vào nội dung các câu tục ngữ trên, hãy xếp chúng vào các nhóm?   * *Khẳng định rằng có ý chí thì nhất định sẽ thành công* * *Khuyên người ta giữ vững mục tiêu đã chọn* * *Khuyên người ta không nản lòng khi gặp khó khăn.*   *+ Cách diễn đạt các câu tục ngữ có đặc điểm gì khiến người đọc dễ nhớ, dễ hiểu? Chọn ý em cho là đúng?*  *+ Theo em, HS phải rèn luyện ý chí gì? Lấy ví dụ về biểu hiện một HS không có ý chí.*  - Nội dung của các câu tục ngữ?  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài.  - GV ghi nội dung lên bảng | - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Khẳng định rằng có ý chí thì nhất định sẽ thành công | Khuyên người ta giữ vững mục tiêu đã chọn | Khuyên người ta không nản lòng khi gặp khó khăn. | | 1.Có công mài sắt có ngày nên kim….  4. Người có chí thì nên… | 2. Ai ơi đã quyết thì hành…  5.Hãy lo bền chí câu cua…. | 3. Thua keo này, bày keo …    6. Chớ thấy sóng cả mà rã…  7. Thất bại là mẹ… |   + Ngắn gọn, ít chữ (chỉ bằng 1 câu)  *- Có công mài sắt có ngày nên kim.*  + Có vần có nhịp cân đối cụ thể:  *- Ai ơi đã quyết thì hành/*  *Đã đan thì lận tròn vành mới thôi. !*  *- Thua keo này/ bày keo khác.*  + Có hình ảnh.  *\*Người kiên nhẫn mài sắt mà nên kim.*  *\*Người đan lát quyết làm cho sản phẩm tròn vành.*  *\*Người kiên trì câu cua.*  *\*Người chèo thuyền không lơi tay chèo giữa sóng to gió lớn.*  *+ HS phải rèn luyện ý chí vượt khó, cố gắng vươn lên trong học tập, cuộc sống, vượt qua những khó khăn gia đình, bản thân.*  - Những biểu hiện của HS không có ý chí:  \*Gặp một bài tập khó là bỏ luôn, không có gắng tìm cách giải.  \* Thích xem phim là đi xem không học bài.  \* Trời rét không muốn chui ra khỏi chăn để đi học.  \* Hơi bị bệnh là muốn nghỉ học ngay.  \* Bị điểm kém là chán học.  \* Gia đình có chuyện không may là ngại không muốn đi học.  \*Thấy trời nắng, muốn ở nhà, nói dối bị nhức đầu để trốn học.  **Nội dung**: **Các câu tục ngữ khuyên chúng ta: Cần có ý chí, giữ vững mục tiêu đã chọn, không nản lòng khi gặp khó khăn.**  - HS ghi lại nội dung bài |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động vận dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì qua các câu tục ngữ?  - Liên hệ, giáo dục ý chí vươn lên trong học tập và cuộc sống  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* | - 1 HS nêu lại  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS liên hệ  - Sưu tầm các câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao cùng chủ đề. |

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TÍNH TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,… (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được tính từ trong đoạn văn ngắn (đoạn a hoặc đoạn b, BT1, mục III), đặt được câu có dùng tính từ (BT2). Hs năng khiếu thực hiện được toàn bộ bài tập

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp kẻ sẵn từng cột ở bài tập2.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - Đặt câu có các từ bổ sung ý nghĩa cho động từ.  - Dẫn vào bài mới | - 2 HS đặt câu  - Lớp nhận xét, đánh giá |
| **2. Hình thành KT (15p)**  **\* Mục tiêu:** Hiểu được tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,… (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **a*. Phần Nhận xét:***  Bài 1: Đọc truyện sau:  - Gọi HS đọc truyện *Cậu học sinh ở Ac- boa.*  - Gọi HS đọc phần chú giải.  + *Câu chuyện kể về ai?*  - Bài 2: Tìm những từ trong truyện miêu tả:  *a/. Tính tình, tư chất của cậu bé Lu- i:*  *b/. Màu sắc của sự vật:*  *- Những chiếc cầu .*  *- Mái tóc của thầy Rơ- nê:*  *c/. Hình dáng, kích thước và các đặc điểm khác của sự vật.*  *- Thị trấn*  *- Vườn nho*  *- Những ngôi nhà*  *- Dòng sông*  *- Da của thầy Rơ- nê*  \****KL: Những từ chỉ tính tình, tư chất của cậu bé Lu- i hay chỉ màu sắc của sự vật hoặc hình dáng, kích thước và đặc điển của sự vật được gọi là tính từ.***  *Bài 3:* Trong cụm từ ***đi lại vẫn nhanh nhẹn,*** từ ***nhanh nhẹn*** bổ sung ý nghĩa cho từ nào?  - GV viết bảng: ***đi lại vẫn nhanh nhẹn, lên bảng.***  *+ Từ nhanh nhẹn bổ sung ý nghĩa cho từ nào?*  *+ Từ nhanh nhẹn diễn tả dáng đi như thế nào?*  ***\*GV: Những từ ngữ vừa tìm được ở trên là tính từ.***  *+ Thế nào là tính từ?*  ***b. Ghi nhớ: Tính từ là từ miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái….*** | **Cá nhân – Nhóm 4- Lớp**  - 2 HS đọc truyện.  - 1 HS đọc.  *+ Câu chuyện kể về nhà bác học nổi tiếng người Pháp tên là Lu- i Pa- xtơ.*  - 1 HS đọc yêu cầu,  - HS làm việc nhóm 4- Chia sẻ kết quả trước lớp  *+ chăm chỉ, giỏi.*  *+ trắng phau*  *+ xám.*  *+ nhỏ.*  *+ con con.*  *+nhỏ bé, cổ kính.*  *+ hiền hoà*  *+ nhăn nheo.*  - Lắng nghe, nhắc lại  - 1 HS đọc thành tiếng.  *+ Từ "nhanh nhẹn" bổ sung ý nghĩa cho từ "đi lại".*  *+ Từ" nhanh nhẹn" gợi tả dáng đi hoạt bát, nhanh trong bước đi.*  - HS nêu theo ý hiểu  - HS đọc phần ghi nhớ.  - 2 HS đọc phần ghi nhớ trang 111 SGK.  - HS lấy VD về tính từ |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được tính từ trong đoạn văn ngắn(BT1a), đặt được câu có dùng tính từ .  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Tìm tính từ trong đoạn văn sau:  a. Chủ tịch Hồ Chí Minh......khúc chiết, rõ ràng.    ***\* Chú ý quan tâm hs M1+M2***  *+ Tính từ là những từ như thế nào?*  ***Bài 2:*** Hãy viết một câu có dùng tính từ:  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - GV hướng dẫn HS:  a. Em có thể đặt câu với các tính từ: ngoan, hiền, hiền dịu, chăm chỉ, lười biếng,. (tư chất) thông minh, giỏi giang, khôn ngoan,. . . (vẻ mặt) xinh đẹp, ủ rũ, tươi tỉnh,. . . (hình dáng) gầy, béo, lùn,. . .  b: Đặt câu với những tính từ miêu tả về màu sắc, hình dáng, kích thước các đặc điểm của sự vật.  - Yêu cầu HS tự viết bài vào vở.  - HS nối tiếp đọc câu văn mình đặt.  - Nhận xét, khen/ động viên.  \* HS M3+M4 viết câu văn có hình ảnh so sánh hoặc nhân hóa hơn.  \*HS M1+M2 viết được câu văn đúng, đủ.  - Lưu ý HS về hình thức và nọi dung của câu  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | **Nhóm 2- Lớp**  - 1 HS đọc đoạn văn  - Thảo luận nhóm 2 tìm tính từ -Chia sẻ trước lớp  Đ/a: *gầy gò, (trán)cao, (mắt)sáng, (râu) thưa, cũ, cao, trắng, nhanh nhẹn, điềm đạm, đầm ấm, khúc chiết, rõ ràng.*  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  **Cá nhân**  VD:  +Mẹ em dịu dàng.  + Em trai em học hành chăm chỉ và thông minh.  + Con mèo của bà em rất tinh nghịch.  + Bồn hoa nhà em vì được chăm sóc nên rất xanh tốt.  +Nhà em vừa xây còn mới tinh.  - HS tự viết câu vào vở.  - Đọc câu văn của mình trước lớp.  - Lấy VD 10 tính từ và ghi vào vở Tự học  - Chọn 1 đoạn văn, đoạn thơ mà em thích trong SGK. Tìm tính từ trong đoạn đó |

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**Ôn TẬp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi,... của Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ.

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Giải thích những nguyên nhân khiến rừng Tây Nguyên bị tàn phá.

*\*ĐCND: Không yêu cầu hệ thống lại đặc điểm, chỉ nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi... của Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ*

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ tự nhiên Việt Nam.

+ Phiếu học tập (Lược đồ trống).

-HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:***(5p)*    *+ Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào?*  *+ Kể tên một số địa danh ở Đà Lạt?*  *+ Vì sao Đà Lạt thích hợp với việc trồng các cây rau và hoa xứ lạnh?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - GV chốt ý và giới thiệu bài | - TBHT điều hành lớp trả lời và nhận xét:  *+ Cao nguyên Lâm Viên*  *+ Thác Cam Li, hồ Xuân Hương*  *+ Vì Đà Lạt có khí hậu lạnh và mát mẻ quanh năm nên thích hợp với các loài cây xứ lạnh.* |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi,... của Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ.  - Chỉ được dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Hoạt động: Xác định vị trí địa lí**  - GV yêu cầu HS lên chỉ vị trí dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan- xi- păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên và thành phố Đà Lạt trên bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.  - GV nhận xét và điều chỉnh lại phần làm việc của HS cho đúng.  **Hoạt động 2: Nêu lại một số đặc điểm tiêu biểu**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm hoàn thành bài tập 2 - SGK  \*Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên và hoạt động của con người ở vùng núi Hoàng Liên Sơn và Tây Nguyên theo những gợi ý ở bảng  - Nhóm 1: Địa hình, khí hậu ở Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên .  - Nhóm 2: Dân tộc, trang phục, lễ hội ở Hoàng Liên Sơn và Tây Nguyên.  - Nhóm 3: Trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công .  - Nhóm 4: Khai thác khoáng sản, khai thác sức nước và rừng .    - GV nhận xét và giúp các em hoàn thành phần việc của nhóm mình.  **Hoạt động 3: Trung du Bắc Bộ**  *+ Hãy nêu đặc điểm địa hình trung du Bắc Bộ?*  *+ Người dân nơi đây đã làm gì để phủ xanh đất trống, đồi trọc?*  - GV hoàn thiện phần trả lời của HS.  **3. Hoạt động vận dụng *(2p)***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | **Cá nhân -Lớp**  - Hs lên bảng chỉ bản đồ  - HS lên chỉ vị trí các dãy núi và đỉnh Phan- xi- păng và cao nguyên trên bản đồ.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS clàm việc nhóm 4 và chia sẻ trước lớp  - TBHT điều hành việc báo cáo kết quả:  **-Nhóm1:**  + Hoàng Liên Sơn là một dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều đỉnh nhọn, sườn núi dốc. . . . . Khí hậu lạnh quanh năm. . . .  + Tây Nguyên là vùng đát cao, rộng lớn bao gồm các cao nguyên xếp tầng cao, thấp khác nhau. Khí hậu có hai mùa rõ rệt. . .  **-Nhóm 2**:  +Hoàng Liên Sơn: Gồm nhiều dân tộc như Thái, Dao, Mông. Mỗi dân tộc có cách ăn mặc riêng, trang phục được may thêu, trang trí rất cầu kì. . . .  + Tây Nguyên; Gồm dân tộc Ê- đê, Gia rai, Xơ đăng, Ba- na. Trang phục thì con trai mặc khố, con gái thì mặc áo váy,. . .  **-Nhóm 3**:  + Hoàng Liên Sơn: Trồng trọt trên đất dốc, và chủ yếu là lúa, ngô,. . .  + Tây Nguyên: Cây trồng chủ yếu là Cà phê, tiêu, chè,. . .  **-Nhóm 4**:  +Hoàng Liên Sơn: Khai thác a- pa- tít, đồng, chì,. .  +Tây Nguyên: Khai thác sức nước là ngăn sông, đắp đập để tạo hồ dùng sức nước chảy từ trên cao . . .  - Nhận xét, bổ sung.  **Hoạt động 3: Cả lớp:**  *+Là một vùng đồi với các đỉnh tròn, sườn thoải, xếp cạnh nhau như cái bát úp.*  *+ Người dân đã tích cực trồng rừng, cây công nghiệp lâu năm.*  - Ghi nhớ kiến thức của bài.  - Sưu tầm và triển lãm các tranh, ảnh về các vùng đã học |

**Thứ sáu, ngày 18 tháng 11 năm 2022**

**TIN HỌC (2 TIẾT)**

**GVBM**

**TOÁN**

***Tiết 55:* MÉT VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích; đọc, viết được mét vuông, " m2".

**2. Kĩ năng**

- Biết được 1m2 = 100d m2. Bước đầu biết chuyển đổi từ m2 sang dm2 , cm2.

**3. Phẩm chất**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (cột 1), bài 3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: GV vẽ sẵn trên bảng hình vuông có diện tích 1m2 được chia thành 100 ô vuông nhỏ, mỗi ô vuông có diện tích là 1dm2.

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động***:(5p)*  **Trò chơi: Ai nhanh ai đúng.**  Điền dấu **< , > , =?**  210 cm2 = ... dm2.... cm2  1954 cm2 > .... dm2 .... cm2  210 cm2 < .... cm2  6 dm2 3 cm2 = .... cm2  2001 cm2 < ....dm2... cm2  603 cm2 < .... cm2  - GV chốt KT và dẫn vào bài mới | - HS chia làm 2 tổ tham gia trò chơi dưới sự điều hành của GV |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích; đọc, viết được kí hiệu mét vuông: " m2".  **\* Cách tiến hành:** | |
| *a. Giới thiệu mét vuông*  - GV treo lên bảng hình vuông có diện tích là 1m2 và được chia thành 100 hình vuông nhỏ, mỗi hình có diện tích là 1 dm2.  - GV nêu các câu hỏi yêu cầu HS nhận xét về hình vuông trên bảng.  *+ Hình vuông lớn có cạnh dài bao nhiêu?*  *+ Hình vuông nhỏ có độ dài bao nhiêu?*  *+ Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh của hình vuông nhỏ?*  *+ Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu?*  *+ Hình vuông lớn bằng bao nhiêu hình vuông nhỏ ghép lại?*  *+ Vậy diện tích hình vuông lớn bằng bao nhiêu?*  - GV nêu: Vậy hình vuông cạnh dài 1 m có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 dm.  ***- Ngoài đơn vị đo diện tích là cm2 và dm2 người ta còn dùng đơn vị đo diện tích là mét vuông. Mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 m. (GV chỉ hình)***  **- Mét vuông viết tắt là m2.**  *+ 1m2 bằng bao nhiêu đề- xi- mét vuông?*  - GV viết lên bảng: 1m2 = 100dm2  *+ 1dm2 bằng bao nhiêu xăng- ti- mét vuông?*  + *Vậy 1 m2 bằng bao nhiêu xăng- ti- mét vuông?*  - GV viết lên bảng: 1m2 = 10 000cm2 | - HS quan sát hình.  - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời:  *+ Hình vuông lớn có cạnh dài 1m (10 dm).*  *+ Hình vuông nhỏ có độ dài là 1dm.*  *+ Gấp 10 lần.*  *+ Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là 1dm2.*  *+ Bằng 100 hình.*  *+ Bằng 100dm2*.  - HS đọc: Mét vuông  + *1m2 = 100dm2.*  *+ 1dm2 =100cm2*  *+ 1m2 =10 000cm2*  - HS nêu:  1m2 =100dm2 ; 1m2 = 10 000cm2 |
| **3. HĐ thực hành** (18 phút)  \*. Mục tiêu: Biết được 1m2 = 100d m2. Bước đầu biết chuyển đổi từ m2 sang dm2 , cm2.  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Viết theo mẫu:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  \* Lưu ý hs M1+M1  ***Bài 2(cột 1): HSNK yêu cầu làm cả bài***  Viết số thích hợp vào chỗ chấm  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.    *+ Nêu mối quan hệ giữa m2 với dm2 và cm2*  ***Bài 3***  - GV gọi HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 xác định các bước giải.  - GV giúp đỡ các nhóm yếu:  + B1: Tính diện tích 1 viên gạch  + B2: Lấy diện tích 1 viên gạch nhân với số viên gạch  \* HS M3+M4 thực hiện thành thạo  **3. HĐ vận dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | **- Cá nhân làm bài- Chia sẻ trước lớp**  Đ/a:  990 m2: Chín trăm chín mươi chín mét vuông.  2005 m2: Hai nghìn không trăm linh năm m2  1980 m2: Một nghìn chín trăm tám mươi m2  8600 dm2 ; Tám nghìn sáu trăm dm2  28911 cm2;Hai mươi tám nghìn chín trăm mười một cm2.  - Cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  1m2 = 100dm2  100dm2 = 1m2  1m2 = 1000 cm2  10 000 cm2 = 100 m2  **Nhóm 4- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS thảo luận nhóm, thực hiện vào phiếu học tập.- Chia sẻ trước lớp  Giải:  Diện tích của một viên gạch là:  30 x 30 = 900 (cm2)  Diện tích của căn phòng là:  900 x 200 = 180 000(cm2 )  180 000cm2 = 18m2  Đáp số: 18m2  - Ghi nhó kí hiệu m2 và mối quan nhệ giữa m2  với dm2 và cm2  - Suy nghĩ cách tính diện tích miếng bìa ở bài tập 4 |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**MỞ BÀI TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được hai cách mở bài trực tiếp và gián tiếp trong bài văn kể chuyện (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được mở bài theo cách đã học (BT1, BT2, mục III)

*\*ĐCND: Không làm bài tập 3*

**3. Phẩm chất**

- Có Phẩm chất đúng mực trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ viết sẵn 2 mở bài trực tiếp và gián tiếp truyện Rùa và Thỏ.

- HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hình thành KT***:(30p)*  **\*Mục tiêu:** Nắm được 2 cách MB trực tiếp và gián tiếp trong bài văn kể chuyện.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **a. Nhận xét:**  - Cho HS quan sát tranh.  *+ Em biết gì qua bức tranh này?*    ***Bài 1: Đọc truyện sau:***  - Gọi HS tiếp nối nhau đọc truyện. Cả lớp đọc thầm theo và thực hiện yêu cầu. Tìm đoạn mở bài trong truyện trên.  **Bài 2:**  - Nêu phần mở bài của câu chuyện?  - Nhận xét, chốt lại lời giải đúng.  **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung. HS trao đổi trong nhóm.  *+Hãy so sánh hai cách mở bài?*  ***- GV: Đó là hai cách mở bài trong bài văn KC.***  *+ Thế nào là mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp?*  ***b. Ghi nhớ:***  - YC HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc theo để thuộc ngay tại lớp. | **Cá nhân - Nhóm 2 – Lớp**  - HS quan sát tranh.  *+ Đây là tranh minh hoạ truyện: Rùa và Thỏ. Câu chuyện kể về cuộc thi chạy giữa Rùa và Thỏ. Kết quả Rùa đã về đích trước Thỏ trong sự chvận kiến của nhiều muông thú.*  - HS tiếp nối nhau đọc truyện.  - HS đọc thầm theo dùng bút chì đánh dấu đoạn mở bài của truyện –Chia sẻ nhóm đôi  - Mở bài: *Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông. Một con rùa đang cố sức tập chạy.*  - Hs thảo luận nhóm 2  *+ Cách mở bài thứ nhất: Kể ngay vào sự việc đầu tiên của câu chuyện.*  *+ Còn cách mở bài thứ hai là: Không kể ngay vào sự việc bắt đầu câu chuyện mà nói chuyện khác để dẫn vào chuyện mình định kể.*    *+ Mở bài trực tiếp: kể ngay vào sự việc mở đầu câu chuyện.*  *+ Mở bài gián tiếp: nói chuyện khác để dẫn vào câu chuyện định kể.*  - HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc theo để thuộc ngay tại lớp. |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được mở bài theo cách đã học  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2- Lớp** | |
| ***Bài 1***: Đọc các mở bài sau và . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS cả lớp trao đổi và trả lời câu hỏi.  *+ Đó là những cách mở bài nào? Vì sao em biết?*  - Nhận xét chung, kết luận về lời giải đúng.  ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc yêu cầu và ND bài tập.  - YC HS thảo luận nhóm đôi làm bài sau đó báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Câu chuyện Hai bàn tay mở bài theo cách nào?*  - Nhận xét chung, kết luận câu trả lời đúng.  ***\* GV: Cách MB trực tiếp phù hợp với nội dung câu chuyện Hai bàn tay. Tác giả muốn chú ý đến nội dung chuyện:ý chí, nghị lực và lòng yêu nước của Nguyễn Tất Thành***  **4. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS nối tiếp nhau đọc từng cách mở bài. 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, trả lời câu hỏi – Chia sẻ trước lớp  *+ Cách a: Là mở bài trực tiếp vì đã kể ngay vào sự việc mở đầu câu chuyện rùa đang tập chạy bên bờ sông.*  *+ Cách b/. c/ d/. là mở bài gián tiếp vì không kể ngay sự việc đầu tiên của câu chuyện mà nêu ý nghĩa hay những truyện khác để vào chuyện.*  - 2 em đọc lại 2 cách mở bài trên.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS thảo luận nhóm đôi làm bài sau đó báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Truyện Hai bàn tay mở bài theo kiểu mở bài trực tiếp - kể ngay sự việc ở đầu câu chuyện. Bác Hồ hồi ở Sài Gòn có một người bạn tên là Lê*.  - HS liên hệ lòng biết ơn, noi gương theo tấm gương của Bác Hồ.  - Nêu lại 2 cách MB trong bài văn kể chuyện  - Viết đoạn MB ở bài tập 2 theo cách MB trực tiếp. |

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**MÂY ĐƯỢC HÌNH THÀNH NHƯ THỀ NÀO?**

**MƯA TỪ ĐÂU RA? (áp dụng PP BTNB)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số đặc điểm của sự hình thành của nước.

- Biết mây, mưa là sự chuyển thể của nước trong tự nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ và phòng tránh tai nạn, thương tích

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức thực hiện theo bài học

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\** ***BVMT:*** *-Một số đặt điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: : Các hình minh hoạ trang 46, 47 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: ĐỒ DÙNG DẠY HỌC giấy A4, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động** (5p)  ***+*** *Nước tồn tại ở những thể nào?*  *+ Ở mỗi dạng tồn tại nước có tính chất gì ?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. | - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+Nước tồn tại ở thể rắn, lỏng, khí.*  *+* |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** - Ôn tập được một số KT về con người và sức khoẻ. Hình thành KN chăm sóc sức khoẻ bản thân, phòng tránh tai nạn, thương tích.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **HĐ 1 :Tìm hiểu sự chuyển thể của nước trong tự nhiên**  a. Đưa ra tình huống xuất phát và nêu vấn đề.  - GV cho HS cùng nghe bài hát hoặc hát bài ” Mưa bóng mây”  - Theo các em, mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?  b. Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS.  - GV cho HS ghi lại những suy nghĩ của mình: *Mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?* Vào vở Ghi chép khoa học, sau đó thảo luận nhóm 4 và ghi lại trên bảng nhóm (có thể ghi lại bằng hình vẽ, sơ đồ).  c. Đề xuất câu hỏi (dự đoán/ giả thuyết) và phương án tìm tòi.  - Yêu cầu HS tìm ra những điểm giống nhau và khác nhau trong biểu tượng ban đầu về sự hình thành mây, mưa của các nhóm.  - GV tổ chức cho HS đề xuất các câu hỏi để tìm hiểu:  “Mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?”  - GV chọn những câu hỏi sát với nội dung bài học ghi lên bảng.  \* GV tổng hợp các câu hỏi do HS đặt ra phù hợp với nội dung bài:  ***+ Mây được hình thành như thế nào?***  ***+ Mưa do đâu mà có?***  **\*Phần 1. Mây được hình thành như thế nào?**  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 đề xuất cách làm để tìm hiểu: Mây được hình thành như thế nào?  - GV gợi ý về tranh ảnh đang treo ở trong lớp.  - Có thể chọn phương án quan sát tranh ảnh.  **\*Phần 2**: **Mưa từ đâu ra?**  - GV cho HS thảo luận, đề xuất cách làm để tìm hiểu: Khi nào có mưa?  - GV gợi tranh treo trong lớp.  d. Thực hiện phương án tìm tòi – kết luận kiến thức.  **\*Phần 1. Mây được hình thành như thế nào?**  - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả, rút ra kết luận và ghi lại vào vở khoa học sau đó HS lên chỉ kết luận bằng sơ đồ để nói về sự hình thành của mây.  - GV giải thích: Vì sao có mây đen, mây trắng.  **\*Phần 2**: **Mưa từ đâu ra?**  GV yêu cầu HS quan sát tranh vẽ khoa học bầu trời có mây đen và mưa, thảo luận để đưa ra kết luận về **Sự hình thành các hạt mưa.**  - YC HS vẽ lại sơ đồ hình thành mây và mưa vào vở Ghi chép khoa học.  - YC HS so sánh với những cảm nhận kiến thức ban đầu về sự hình thành mây, mưa và đối chiếu SGK để khắc sâu thêm kiến thức.  - GV ghi tên bài.  **3. HĐ 2 :** **Trò chơi đóng vai “Tôi là giọt nước”**  -Yêu cầu HS phân vai theo : giọt nước ; hơi nước ; mây trắng ; mây đen ; giọt mưa  -Gọi 1 số HS lên làm mẫu trước lớp  -YC HS tự sáng kiến lời thoại và phụ hoạ  **3. Hoạt động vận dụng** (1p)  **Liên hệ bảo vệ môi trường:** Nước là vô cùng thiết yếu đối với cuộc sống của con người, nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay của con người, bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước dù là nước mưa. Cho HS nêu theo ý hiểu các biện pháp bảo vệ nguồn nước.  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* | **Nhóm 4 - Lớp**  -Theo dõi, lắng nghe  -Nghe và thảo luận nhóm đôi  - HS ghi lại những suy nghĩ của mình: mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra? Vào vở Ghi chép khoa học, sau đó thảo luận nhóm 4 và ghi lại trên bảng nhóm (có thể ghi lại bằng hình vẽ, sơ đồ)  \* Ví dụ:  + Mây do khói bay lên tạo nên.  + Mây do hơi nước bay lên tạo nên.  + Mây do khói và hơi nước tạo thành.  + Khói ít tạo nên mây trắng, khói nhiều tạo nên mây đen.  + Hơi nước ít tạo nên mây trắng, hơi nước nhiều tạo nên mây đen.  + Mây tạo nên mưa.  + Mưa do hơi nước trong mây tạo nên.  + Khi có mây đen thì sẽ có mưa.  + Khi mây nhiều thì sẽ tạo thành mưa.  - HS làm việc nhóm 4 để tìm ra những điểm giống nhau và khác nhau trong biểu tượng ban đầu về sự hình thành mây, mưa.  - HS đề xuất các câu hỏi để tìm hiểu:  “mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?”   * Hệ thống câu hỏi:   + Mây có phải do khói tạo thành không?  + Mây có phải do hơi nước tạo thành không?  + Vì sao lại có mây đen, mây trắng?  + Mưa do đâu mà có?  + Khi nào thì có mưa?  - HS làm việc theo hệ thống câu hỏi sau khi đã cùng GV thống nhất.  ***+ Mây được hình thành như thế nào?***  ***+ Mưa do đâu mà có?***  \* HS thảo luận nhóm 4 đề xuất cách làm để tìm hiểu: Mây được hình thành như thế nào?  - HS quan sát tranh ảnh treo trong lớp  - HS thảo luận, đề xuất cách làm để tìm hiểu: Khi nào có mưa?   * HS tiến hành quan sát, kết hợp với những kinh nghiệm sống đã có, vẽ lại sơ đồ hình thành mây vào trong vở Ghi chép khoa học và thống nhất ghi vào phiếu nhóm 4   Mây  Mây    Nước    Nước  - Các nhóm báo cáo kết quả, rút ra kết luận (Có thể bằng lời hoặc sơ đồ.)  Kết luận bằng lời: Nước ở ao, hồ, sông, biển bay hơi lên cao, gặp không khí lạnh, ngưng tụ lại thành những hạt nước nhỏ, nhiều hạt nước nhỏ đó tạo nên những đám mây.  \* Kết luận bằng sơ đồ  Mây  Hơi nước  Nước ở ao hồ, sông biển…  Hạt nước nhỏ li ti    -Đại diện trình bày- lớp nhận xét, bổ sung.  \* HS quan sát tranh vẽ khoa học bầu trời có mây đen và mưa, đọc thêm tài liệu, thảo luận để đưa ra kết luận:  **Sự hình thành các hạt mưa.**  Hơi nước trong không trung nếu chỉ gặp luồng khí lạnh thôi không đủ biến thành mây mà phải nhờ vào các hạt bụi nhỏ trong khí quyển mới có thể tạo thành các hạt mây nhỏ li ti.  1. Hơi nước trong không khí.  2. Sau khi gặp lạnh biến thành các hạt mây nhỏ .  3. Dần dần kết lại thành các hạt nước lớn hơn.  4. Sau khi nhiệt độ thấp đi biến thành những tinh thể băng.  5. Gặp hơi nước biến thành bông tuyết.  6. Những bông tuyết nhỏ biến thành những bông tuyết lớn.  7. Khi rơi xuống, xuyên qua vùng không khí ấm lại tan thành giọt nước.  8. Biến thành mưa rơi xuống mặt đất.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  -Làm việc theo nhóm 5 -Phân vai theo yêu cầu  -Đóng vai theo nhóm  -Vài nhóm trình bày- lớp nhận xét, bổ sung  -Theo dõi bình chọn, biểu dương nhóm diễn tốt.  +Nước mưa không phải là vô tận, không phải thích mưa lúc nào là được,…  +Trái đất nóng lên lượng nước mưa sẽ cạn kiệt…  - Vẽ, trang trí và trưng bày vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên |

**GDTT**

**SINH HOẠT LỚP**

**ÔN**

**LTVC: TÍNH TỪ - ĐỘNG TỪ**

**KĨ NĂNG SỐNG**

**PHÒNG TRÁNH XÂM HẠI TÌNH DỤC (TIẾT 1)**

**TUẦN 12 Thứ hai, ngày 21 tháng 11 năm 2022**

**THỂ DỤC**

**GVBM**

**TOÁN**

***Tiết 56*: NHÂN MỘT SỐ VỚI MỘT TỔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết thực hiện phép nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng tính chất để giải được các bài tập.

**3. Phẩm chất**

- HS có phẩm chất học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1; bài 2 a) 1 ý, b) 1 ý; bài 3.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bài tập 1.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  Trò chơi: **Xì điện**  - GV phổ biến luật chơi, cách chơi  1m2 = ............dm2  100dm2 = .....m2  400dm2 = ........m2  2110m2 = ........dm2  15m2 = ......cm2  10000cm2 =.........m2  - GV giới thiệu vào bài | - HS tham gia chơi  - Nêu MQH giữa các đơn vị đo diện tích đã học |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được cách thực hiện phép nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| *\* Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức*:  - GV viết lên bảng 2 biểu thức:  4 x (3 + 5) và 4 x 3 + 4 x 5  - Yêu cầu HS tính giá trị của 2 biểu thức trên  *+ So sánh giá trị của 2 biểu thức trên?*  - Vậy ta có:  4 x (3+ 5) = 4 x 3 + 4 x 5  *+ Biểu thức: 4 x (3 + 5) có đặc điểm gì?*  *+ Biểu thức 4 x 3 + 4 x 5 có đặc điểm gì?*  ***GV: Như vậy biểu thức 4 x 3 + 4 x 5 chính là tổng của các tích giữa số thứ nhất trong biểu thức với các số hạng của tổng.***  *+ Vậy khi thực hiện nhân một số với một tổng, chúng ta có thể làm thế nào?*  *+ Từ cách thực hiện trên, em hãy nêu công thức tính, và qui tắc?* | **Cá nhân - Nhóm 2-Lớp**  - HS làm cá nhân- Chia sẻ lớp  4 x (3 + 5) = 4 x 8 = 32  4 x 3 + 4 x 5 = 12 + 20 = 32  *+ Giá trị của 2 bt trên bằng nhau.*  - HS nêu lại  *+ là nhân một số với một tổng*.  *+ Tích 4 x 3 là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với một số hạng của tổng, tích thứ hai 4 x 5 là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với số hạng còn lại của tổng.*  *+ Lấy số đó nhân với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả lại với nhau.*  **+ a x (b + c) = a x b + a x c**  + HS phát biểu quy tắc. |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Biết thực hiện nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.  **\* Cách tiến hành** | |
| Bài 1: Tính giá trị của. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV đính bảng phụ lên và hướng dẫn HS phân tích bảng, HD cách làm.  \* Chú ý hs M1+M2 biết cách thực hiện  - GV chốt đáp án.  ***Bài 2:***  \* HS M1+M2 thực hiện a – ý 1, b – ý 1  \*HSNK có thể hoàn thành tất cả bài  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Để tính giá trị của biểu thức theo 2 cách ta làm thế nào?*  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Củng cố cách nhân một số với một tổng.  ***Bài 3:*** Tính giá trị biểu thức.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Giá trị của 2 biểu thức như thế nào với nhau?*  *+ Biểu thức thứ nhất có dạng như thế nào?*  *+ Biểu thức thứ hai có dạng như thế nào?*  *+ Vậy khi thực hiện nhân một tổng với một số, ta có thể làm thế nào?*  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 4: *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *+ Vận dụng tính chất gì để giải BT4?*  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | **Nhóm 2- Lớp**  - Hs nêu yêu cầu của bài  - HS thực hiện theo cặp đôi- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | a x (b + c) | a x b + a x c | | 4 | 5 | 2 | 4 x ( + 2) = 28 | 4 x 5 + 4 x 2 = 28 | | 3 | 4 | 5 | 3 x (4 + 5) = 27 | 3 x 4 + 3 x 5 = 27 | | 6 | 2 | 3 | 6 x (2 + 3) = 30 | 6 x 2 + 6 x 3 = 30 |   - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  *+ Ta phải áp dụng quy tắc một số nhân với một tổng.*  Đ/a:  a. 36 x (7 + 3) 36 x 7 + 36 x 3  = 36 x 10 = 252 + 108  = 360 = 360  b. 5 x 38 + 5 x 62 5 x 38 + 5 x 62  = 190 + 310 = 5 x (38 + 62)  = 500 = 5 x 100 = 500  **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - Cả lớp làm bài vào vở - Đổi chéo kiểm tra  Đ/a: (3 + 5) x 4 và 3 x 4 + 5 x 4  = 8 x 4 = 12 + 20  = 32 = 32  *+ Giá trị của 2 biểu thức bằng nhau.*  *+ Có dạng một tổng nhân với một số.*  *+ Là tổng của 2 tích.*  *+ Có thể lấy từng số hạng của tổng nhân với số đó rồi cộng các kết quả lại với nhau*  - HS làm bài vào vở Tự học  VD: 26 x 11 = 26 x (10+1)  = 26 x 10 + 26 x 1  = 260 + 26 = 286  *+ Một số nhân với 1 tổng*  - Ghi nhớ tính chất 1 số nhân với 1 tổng, 1 tổng nhân với 1 số  BT PTNL: Tính giá trị của biểu thức sau bằng cách thuận tiện:  a. 159 x 54 + 159 x 46  b. 12 x 5 + 3 x 12 + 12 x 2  c. 2 x 5 + 4 x 5 + 6 x 5 + 8 x 5 |

**MĨ THUẬT**

**VẼ TRANH HOẶC TẠO DÁNG ĐỀ TÀI TỰ CHỌN**

**GDTT**

**SINH HOẠT CHỦ NHIỆM**

**ĐẠO ĐỨC**

**HIẾU THẢOVỚI ÔNG BÀ, CHA MẸ (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình.

**2. Kĩ năng**

- Biết thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng một số việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục lòng hiếu thảo

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\*KNS:*** *-Xác định giá trị tình cảm của ông bà, cha mẹ dành cho con cháu*

*-Lắng nghe lời dạy của ông bà cha mẹ*

*-Thể hiện tình cảm yêu thương của mình với ông bà, cha mẹ*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Máy vi tính, máy chiếu.

+ Thẻ chữ A, B, C, D.

+Thẻ mặt cười, mặt mếu.

- HS: SGK, thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | |
| **1.Khởi động:***(5p)* | | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | | | |
| **a. Giới thiệu bài:**  - Chiếu cho HS xem clip bài hát: Cho con (Phạm Trọng Cầu).  *+ Nội dung của bài hát là gì?*  ***- GV: Ông bà, cha mẹ là những người luôn gần gũi và yêu thương chúng ta nhất. Tình yêu thương của ông bà, cha mẹ dành cho chúng ta không gì có thể sánh nổi***  *+ Vậy theo các em, chúng ta cần thể hiện hành động như thế nào với ông bà, cha mẹ?*  ***- GV: Những hành động như thế nào là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và chúng ta cần làm gì để thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ? Chúng ta cùng học bài: Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.***  **b. Các hoạt động:**  **\*Hoạt động 1: Tìm hiểu truyện: Phần thưởng.**  - Gv chiếu tranh, hỏi: *Em nhìn thấy những gì trong tranh?*  - Nhận xét, nêu: 2 nhân vật trong tranh là Hưng và bà của Hưng. Ông của Hưng mới mất nên bà rất buồn. Hưng đã cố gắng động viên, an ủi, chăm sóc bà để bà đỡ buồn. Câu chuyện như sau…  - GV kể chuyện  - Tổ chức cho HS hỏi – đáp: VD:  *+ Khi nhập vai bà, bạn cảm thấy thế nào khi nhận được gói bánh?*  *+ Khi nhập vai Hưng, tại sao bạn lại biếu bà gói bánh?*  *+ Em có nhận xét gì về việc làm của bạn Hưng?*  *+ Qua câu chuyện của bạn Hưng, em thấy chúng ta cần phải đối xử với ông bà, cha mẹ như thế nào? Vì sao?*  ***- GV: Ông bà, cha mẹ là những người đã sinh thành và nuôi dưỡng chúng ta nên người. Vì vậy, chúng ta phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.***  *+ Em biết những bài ca dao nào khuyên răn chúng ta phải biết yêu thương, kính trọng với ông bà, cha mẹ?*  *+ Em hiểu nghĩa bài thơ như thế nào?*  - GV nhận xét, kết luận phần bài học.  - Cho HS tìm thêm một số câu ca dao, tục ngữ khuyên răn con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. | **Cá nhân – Lớp**  - Theo dõi  - Trả lời theo ý hiểu. Ví dụ:  *+ Cha mẹ rất yêu thương con.*  *+ Cha mẹ là người luôn gần gũi, chăm sóc con.*  *+ Cha mẹ luôn che chở cho con*.  - Lắng nghe  *+ Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.*  - HS đọc tên bài.  *+ Quan sát, trả lời: Một người bà, một người cháu đang trò chuyện rất thân mật. Phía trên tường có treo một bàn thờ,....*  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS lắng nghe,  - HS làm việc theo nhóm 4: kể lại câu chuyện (có thể minh hoạ.)  - 1 nhóm lên kể chuyện, HS theo dõi, chuẩn bị câu hỏi để hỏi nhóm kể chuyện.  - Thực hành hỏi - đáp. VD:  *+…. cảm thấy rất vui.*  *+… rất yêu quý bà, muốn cho bà vui, khoẻ…*  *+ Hưng rất yêu quý bà, biết quan tâm, chăm sóc bà.*  *+ Chúng ta phải yêu quý, kính trọng, quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ vì ông bà, cha mẹ là những người đã có công sinh thành ra chúng ta, nuôi dưỡng và chăm sóc cho chúng ta…*  *+ Hs nêu:*  *Công cha như núi Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*  *Một lòng thờ mẹ kính cha*  *Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*  *+ HS nêu: Công cha, nghĩa mẹ rất to lớn, chúng ta phải hiếu thảo với cha mẹ.*  - HS nghe, 3 – 4 em đọc lại phần Ghi nhớ:    - HS tìm và nêu. | |
| **3. Hoạt động thực hành:** *(15p)*  **\*Mục tiêu:** Hiểu thế nào là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Nhận biết được hành vi đúng/ sai liên quan đến bài học  **\* Cách tiến hành:** | | |
| Bài tập 1:  - GV chiếu nội dung bài tập 1, gọi HS đọc và nêu yêu cầu.  *Cách vận xử của các bạn trong những tình huống dưới đây là đúng hay sai? Vì sao?*  *a) Mẹ mệt, bố đi làm mãi chưa về. Sinh vùng vằng, bực bội vì chẳng có ai đưa Sinh đến nhà bạn dự sinh nhật.*  *b) Hôm nào đi làm về, mẹ cũng thấy Loan đãĐỒ DÙNG DẠY HỌC sẵn chậu nước, khăn mặt để mẹ rửa cho mát. Loan còn nhanh nhảu giúp mẹ mang túi vào nhà.*  *c) Bố Hoàng vừa đi làm về, rất mệt. Hoàng chạy ra tận cửa đón và hỏi ngay: “Bố có nhớ mua truyện tranh cho con không?”*  *d)Ông nội của Hoài rất thích chơi cây cảnh. Hoài đến nhà bạn mượn sách, thấy ngoài vườn nhà bạn có khóm hoa lạ, liền xin bạn một nhánh mang về cho ông trồng.*  *đ) Sau giờ học nhóm, Nhâm và bạn Minh đang đùa với nhau. Chợt thấy bà ngoại ho ở phòng bên, Nhâm vội chạy sang vuốt ngực cho bà.*  - GV trình chiếu từng trường hợp cho HS giơ thẻ  - Gọi HS nhắc lại những cách vận xử đúng.  \*GV hỏi thêm:  *+ Trong những việc làm đó, em có thể làm được những việc làm nào?*  *+ Em đã làm được những việc nào?*  *+ Theo em, thế nào là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?*  - Nhận xét, chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.  *+ Ở nhà, chúng ta có thể giúp ông bà, cha mẹ những việc gì?*  *+ Bản thân em đã làm được những việc gì thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?*  *+ Vì sao việc chăm chỉ học tập và rèn luyện là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?*  *+ Chúng ta không nên làm gì với cha mẹ, ông bà?*  *+ Hãy kể một số việc em làm chưa thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Giải thích vì sao chưa tốt và cách sửa lỗi.*  ***- GV : Chúng ta bày tỏ sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng những việc làm, hành động cụ thể vừa sức mình.***  **3. HĐ vận dụng** (*1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* | - 1 HS đọc  - Làm việc cá nhân  - Giơ thẻ:  + Mặt cười với các trường hợp sau: b; d; đ  + Mặt mếu với trường hợp:a; c  - HS giải thích. VD:  a) Sai vì Sinh không biết chăm sóc mẹ lúc mẹ bị ốm lại còn đòi đi chơi.  b) Đúng vì Loan đã biết chăm sóc mẹ khi mẹ đi làm về mệt.  c) Sai vì bố đang mệt, Hoàng không nên đòi bố quà.  d) Đúng vì Hoà đã biết quan tâm đến sở thích của ông.  đ) Đúng vì Nhâm đã biết chăm sóc bà lúc bà bị ốm.  - HS nhắc lại (1-2 em)  *+ … là quan tâm tới ông bà, cha mẹ, chăm sóc lúc ông bà, cha mẹ bị mệt, ốm, làm giúp ông bà, cha mẹ những công việc phù hợp.*  *+ …nấu cơm, trông em, quét dọn nhà cửa…*  - HS nêu.  *+ …để ông bà, cha mẹ vui lòng, yên tâm công tác*.  *+ Không nên đòi hỏi ông bà, cha mẹ khi ông bà, cha mẹ bận, mệt, những việc không phù hợp (mua đồ chơi…)*  + HS kể.  - Lắng nghe  - Bày tỏ lòng hiếu thảo bằng những việc làm thiết thực  - Sưu tầm các câu chuyện về lòng hiếu thảo | |

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**SƠ ĐỒ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC TRONG TỰ NHIÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Hoàn thành và mô tả vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên: chỉ vào sơ đồ và nói về sự bay hơi, ngưng tụ của nước trong tự nhiên.

**3. Phẩm chất**

- Biết cách sử dụng nước hợp lí, tiết kiệm TNTN..

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\*****BVMT****: Một số đặc điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Hình minh hoạ trang 48, 49 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Các tấm thẻ ghi:

Hơi nước Mưa Mây

- HS: ĐỒ DÙNG DẠY HỌC giấy A4, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của giáo viên** | **Hoạt đông của của học sinh** |
| **1, Khởi động *(4p)***  *+ Mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. | - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Hơi nước bay lên cao, gặp lạnh. . .* |
| **2. Khám phá:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Hoàn thành sơ dồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên và mô tả được vòng tuần hoàn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Hoạt động 1: Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên:**  - Yêu cầu HS quan sát hình 48 / SGK và thảo luận trả lời các câu hỏi:  *1) Những hình nào được vẽ trong sơ đồ?*    *2) Sơ đồ trên mô tả hiện tượng gì?*  *3) Hãy mô tả lại hiện tượng đó?*  - Giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn,  ***\* GV: Nước đọng ở ao, hồ, sông, suối, biển, không ngừng bay hơi, biến thành hơi nước. Hơi nước bay lên cao, ngưng tụ thành những hạt nước nhỏ, tạo thành những đám mây trắng. Các giọt nước ở trong đám mây rơi xuống đẫt, tạo thành mưa. . . .***  **Hoạt động 2: Em vẽ: “Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên”.**  - GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi.  - GV giúp đỡ các em gặp khó khăn.  - Gọi HS lên trình bày.  - GV nhận xét, khen các nhóm vẽ đẹp, đúng, có ý tưởng hay.  **3. HĐ vận dụng *(1p)***  - GDBVMT: Nước trong tự nhiên tạo thành 1 vòng tròn khép kín. Do vậy, để có nước mưa sạch thì chúng ta cần làm thế nào?  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** | **Nhóm 4- Lớp**    - HS vừa trình bày vừa chỉ vào sơ đồ.  *1)+ Dòng sông nhỏ chảy ra sông lớn, biển.*  *+ Hai bên bờ sông có làng mạc, cánh đồng.*  *+ Các đám mây đen và mây trắng.*  *+ Những giọt mưa từ đám mây đen rơi xuống đỉnh núi và chân núi. Nước từ đó chảy ra suối, sông, biển.*  *+ Các mũi tên.*  *2) Bay hơi, ngưng tụ của nước.*  *3) Nước từ suối, làng mạc chảy ra sông, biển. Nước bay hơi biến thành hơi nước. Hơi nước liên kết với nhau tạo thành những đám mây trắng. Các giọt nước ở trong đám mây rơi xuống đẫt, tạo thành mưa. . .* .  - Lắng nghe  **Nhóm 2 –Lớp**  - HS hoàn thành sơ đồ  Mây đen Mây trắng    Mưa Hơi nước    Nước  + Giữ sạch bầu khống khí  + Không vứt rác bừa bãi  + Sử dụng hợp lí thuốc trừ sâu và phân hoá học,....  - Nêu vận dụng thiết thực của vòng tuần hoàn nước trong cuộc sống |

**Thứ ba, ngày 22 tháng 11 năm 2022**

**THỂ DỤC**

**GVBM**

**TOÁN**

***Tiết 57:* NHÂN MỘT SỐ VỚI MỘT HIỆU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết cách nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.

**2. Kĩ năng**

- Biết giải bài toán và tính giá trị của biểu thức liên quan đến phép nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3, bài 4

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 1, trang 67, SGK.

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - GV chuyển ý vào bài mới | **-** TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Nhận biết cách nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| ***a. Tính và so sánh giá trị của 2 biểu thức***  ***+*** GV ghibảng 2 biểu thức:  3 x (7 – 5) và 3 x 7 – 3 x 5  - Y/c tính giá trị của 2 biểu thức trên.  *+ So sánh giá trị của 2 biểu thức trên?*  - Vậy 4 x (3+ 5) = 4 x 3 + 4 x 5  + *Biểu thức: 4 x (3 - 5) có dạng gì?*  *+ Tích 3 x 7 và 3 x 5 có mối liên hệ gì với biểu thức ban đầu?*  ***GV: Như vậy biểu thức chính là hiệu của tích giữa số thứ nhất trong biểu thức với số bị trừ của hiệu trừ đi tích của số này với số trừ của hiệu.***  *+ Vậy khi thực hiện nhân một số với một tổng, chúng ta có thể làm thế nào?*  *+ Từ cách thực hiện trên, em hãy nêu công thức tính, và qui tắc nhân một số với một hiệu.* | **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS cả lớp làm bài vào nháp- Chia sẻ nhóm 2  3 x (7 – 5) và 3 x 7 – 3 x 5  = 3 x 2 = 21 – 15  = 6 = 6  *+ Bằng nhau.*  *+Là nhân một số với một hiệu*  *+ Tích 3 x 7 chính là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với số bị trừ của hiệu. Tích thứ hai 3 x 5 cũng là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với số trừ của hiệu.*  *+ Có thể lần lượt nhân số đó với số bị trừ và số trừ, rồi trừ 2 kết quả cho nhau.*  **a x (b - c) = a x b - a x c**  -HS phát biểu qui tắc.  - Lấy VD minh hoạ |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Biết giải bài toán và tính giá trị của biểu thức liên quan đến nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm 2- Lớp** | |
| ***Bài 1:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV đính bảng phụ lên và hướng dẫn HS phân tích bảng, HD cách làm.  - GV chốt đáp án.  *+ Muốn nhân một số với 1 hiệu ta làm thế nào?*  ***Bài 3***:  - GV nhận xét, đánh giá một số bài của HS  ***Bài 4:*** Tính và so sánh. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Củng cố quy tắc nhân một hiệu với một số.  **Bài 2 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách nhân một số với 1 hiệu  **4. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | - Thực hiện theo YC của GV.  -HS thực hiện cặp đôi- Chia sẻ lớp  Đ/a:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | a x (b – c) | a x b – a x c | | 3 | 7 | 3 | 3 x (7 – 3)  = 12 | 3 x 7 – 3 x 3  = 12 | | 6 | 9 | 5 | 6 x (9 – 5)  = 24 | 6 x 9 – 6 x 5  = 24 | | 8 | 5 | 2 | 8 x (5 – 2)  = 24 | 8 x 5 – 8 x 2  = 24 |   - HS phát biểu  - 1 HS đọc đề bài  - Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Làm cá nhân vào vở- Chia sẻ lớp  Đ/a:  Bài giải  Số giá để trvận còn lại sau khi bán là  40- 10 = 30 (giá)  Số quả trvận còn lại là:  175 x 30 = 5250 (quả)  Đáp số: 5 250 quả.  - Thực hiện theo YC của GV.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  (7 – 5) x 3 và 7 x 3 – 5 x 3  = 2 x 3 = 21 – 15  = 6 = 6  - Phát hiện quy tắc nhân 1 hiệu với 1 số  - HS làm vào vở Tự học  VD: 26 x 9 = 26 x (10 – 1)  = 26 x 10 – 26 x 1  = 260 - 26 = 234  - Ghi nhớ cách nhân 1 số với 1 hiệu, 1 hiệu với 1 số  - Vận dụng giải bài tập 3 theo cách khác ngắn gọn hơn |

**TẬP ĐỌC**

**VUA TÀU THỦY BẠCH THÁI BƯỞI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được ND: Ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh nổi tiếng (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4 trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.

**3. Phẩm chất**

- GD HS tinh thần vượt khó trong học tập và cuộc sống.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 115, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  - Đọc lại bài *Có chí thì nên* và nêu ý nghĩa của một số câu tục ngữ.  - GV nhận xét, dẫn vào bài | - 2 HS thực hiện |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, mạch lạc với giọng kể chậm rãi, phát âm đúng, bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, hiểu nghĩa một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể chuyện: chậm rãi, giọng kể chuyện ở đoạn, 2 thể hiện hoàn cảnh và ý chí của Bạch Thái Bưởi. Đoạn 3 đọc nhanh thể hiện Bạch Thái Bưởi cạnh tranh và chiến thắng các chủ tàu nước ngoài. Đoạn 4 đọc với giọng sảng khoái thể hiện sự thành đạt của Bạch Thái Bưởi.  \*Nhấn giọng những từ ngữ: *mồ côi, đủ mọi nghề, trắng tay, không nản chí, độc chiếm, thịnh vượng, ba mươi, bậc anh hùng, …*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) | - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 4 đoạn  + Đoạn 1: Bưởi mồ côi … đến ăn học.  + Đoạn 2: Năm 21 tuổi ...không nản chí.  + Đoạn 3: Bạch Thái Bưởi … đến Trưng Nhị.  + Đoạn 4: Phần còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*quẩy, nản chí, diễn thuyết, mua xưởng, sửa chữa, kĩ sư, lịch sự,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - GV phát phiếu học tập cho các nhóm  *+ Bạch Thái Bưởi xuất thân như thế nào?*  *+ Trước khi mở công ti vận tải đường thuỷ Bạch Thái Bưởi đã làm những công việc gì?*  *+ Những chi tiết nào chvận tỏ ông là một người có chí?*  *+ Bạch Thái Bưởi mở công ty vào thời điểm nào?*  *+ Bạch Thái Bưởi đã làm gì để cạnh tranh ngang sức với chủ tàu người nước ngoài?*  *+ Em hiểu thế nào là vị anh hùng kinh tế?(*\* HS M3+M4 trả lời)  *+ Theo em, nhờ đâu mà Bạch Thái Bưởi thành công?*  *+ Bài văn ca ngợi ai?* | - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Bạch Thái Bưởi mồ côi cha từ nhỏ, phải theo mẹ quẩy gánh hàng rong. Sau khi được họ Bạch nhận làm con nuôi, đổi học Bạch và cho ăn học.*  *+ Năm 21 tuổi ông làm thư kí cho một hãng buôn, sau buôn gỗ, buôn ngô, mở hiệu cầm đồ, lập nhà in, khai thác mỏ,*  *+ Chi tiết: Có lúc mất trắng tay nhưng Bưởi không nản chí.*  *+ Bạch Thái Bưởi mở công ty vào lúc những con tàu của người Hoa đã độc chiếm các đường sông của miền Bắc.*  *+ Bạch Thái Bưởi đã khơi dậy lòng tự hào dân tộc của người Việt: cho người đến các bến tàu để diễn thuyết kêu gọi khách hàng với khẩu hiệu “Người ta thì đi tàu ta”. Khách đi tàu của ông ngày một đông. Nhiều chủ tàu người Hoa, người Pháp phải bán lại tàu cho ông, rồi ông mua xưởng sửa chữa tàu, kĩ sư giỏi* *trông nom.*  *- VD:Là những người dành được những thắng lợi to lớn trong kinh doanh.*  *+ Là những người đã chiến thắng trong thương trường.*  *+ Là người lập nên những thành tích phi thường trong kinh doanh.*  *+ Là những người kinh doanh giỏi, mang lại lợi ích kinh tế cho quốc gia, dân tộc…*  *- Bạch Thái Bưởi thành công nhờ ý chí, nghị lực, có chí trong kinh doanh: biết khơi dậy lòng tự hào của khách người Việt Nam, ủng hộ chủ tàu VN;giúp kinh tế Việt Nam phát triển: Bạch Thái Bưởi là người có đầu óc, biết tổ chức công việc kinh doanh.*  ***Ý nghĩa*: Bài văn ca ngợi Bạch Thái Bưởi từ một câu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực, có ý chí vươn lên để trở thành một nhà kinh doanh tên tuổi lừng lẫy.**  - HS ghi lại ý nghĩa của bài |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn số 3 của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 3  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động vận dụng** *(1 phút)*  + Em học được điều gì từ Bạch Thái Bưởi?  - Liên hệ giáo dục: ý chí nghị lưc vươn lên.  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* | - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - Nêu các tấm gương nghị lực mà em biết trong cuộc sống hàng ngày. |

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện (mẩu chuyện, đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có nghị lực, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- GD HS có nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Sưu tầm các truyện có nội dung nói về một người có nghị lực.

- HS: SGK, câu chuyện

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vau

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động***:(5p)*  - Yêu cầu HS tiếp nối nhau kể từng đoạn truyện(M1+M2) hoặc kể toàn chuyện(M3+M4) Bàn chân kì diệu  *+ Em học được điều gì ở Nguyễn Ngọc Kí?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. | - HS kể chuyện  *+ Ý chí và nghị lực vươn lên chiến thắng số phận* |
| **2. Khám phá:**  **Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:***:(8p)*  **\* Mục tiêu:** Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có nghị lực, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **\* Hướng dẫn HS kể chuyện:**  *Đề bài: Hãy kể một câu chuyện mà em đã được nghe hoặc được đọc về một người có nghị lực.*  - Gọi HS đọc gợi ý.  - Gọi HS giới thiệu những chuyện em đã được đọc, được nghe về người có nghị lực và nhận xét, tránh HS lạc đề về người có ước mơ đẹp. Khuyến khích HS kể chuyện ngoài SGK | - HS đọc đề.  - HS phân tích đề bài, dùng phấn màu gạch các từ: *được nghe, được đọc, có nghị lực.*  - 4 HS nối tiếp nhau đọc từng gợi ý.  - Lần lượt HS giới thiệu truyện.  *+ Bác Hồ trong truyện Hai bàn tay.*  *+ Bạch Thái Bưởi trong câu chuyện vua tàu thuỷ Bạch Thái Bưởi.*  *Lê Duy Vận trong truyện Người chiến sĩ giàu nghị lực.*  *+ Đặng Văn Ngữ trong truyện Người trí thức yêu nước.*  *Ngu Công trong truyện Ngu Công dời núi.*  *+ Nguyễn Ngọc Kí trong truyện Bàn chân kì diệu.*  (Những người bị khuyết tật mà em đã biết qua ti vi, đài, báo… vẫn đỗ đại học và trở thành những người lao động giỏi…)  - Lần lượt HS giới thiệu về nhân vật mà mình định kể.  + Tôi xin kể câu chuyện Bô- bin- xơn ở đảo hoang mà tôi đã được đọc trong truyện trinh thám.  + Tôi xin kể câu chuyện về anh Sơn người bị tàn tật mà vẫn học 2 trường đại học. Tấm gương về anh tôi đã được xem trong chương trình Người đương thời.  + Tôi xin kể chuyện về nhà giáo ưu tú Nguyễn Ngọc Kí |
| **3 . Thực hành** *:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được theo lời kể của mình. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| a/. Kể chuyện theo cặp:  ***\* Kể trong nhóm:***  - HS thực hành kể trong nhóm.  GV đi hướng dẫn những HS gặp khó khăn.  Gợi ý: Em cần giới thiệu tên truyện, tên nhân vật mình định kể.  + Kể những chi tiết làm nổi rõ ý nghĩa, nghị lực của nhân vật.  ***\* Kể trước lớp:***  - Tổ chức cho HS thi kể.  - GV khuyến khích HS lắng nghe và hỏi lại bạn kể những tình tiết về nội dung truyện, ý nghĩa truyện.  - Nhận xét, bình chọn bạn có câu chuyện hay nhất, bạn kể hấp dẫn nhất.  + Ý nghĩa câu chuyện:  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | - 2 HS ngồi cùng bàn kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa truyện với nhau.  - 5 đến 7 HS thi kể và trao đổi về ý nghĩa truyện.  - HS đặt câu hỏi cho bạn kể chuyện về nội dung và ý nghĩa của chuyện  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề |

**CHÍNH TẢ**

**NGƯỜI CHIẾN SĨ GIÀU NGHỊ LỰC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe -viết đúng bài CT; trình bày đúng các hình thức đoạn văn

- Làm đúng BT2a phân biệt ch/tr.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

- Giáo dục đức tính kiên trì qua hình ảnh nhân vật Ngu Công

*\* GDQPAN: Ca ngợi tinh thần vượt mọi khó khăn, gian khổ, hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ của các chú bộ đội và công an*

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ |
| **2. Khám phá:**  **Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn trong SGK.  *+ Đoạn văn viết về ai?*  *+ Câu chuyện có điều gì cảm động?*  - Liên hệ giáo dục QPAN: Hoạ sĩ Lê Duy Vận cũng giống như những người chiến sĩ khác không quản, khó khăn, gian khổ, hi sinh để hoàn thành n/v. Chúng ta cần trân trọng và biết ơn những con người như thế.  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  - Lưu ý các từ ngữ: *tháng 4 năm 1975, 30 triển lãm, 5 giải thưởng* viết bằng số và các từ *Sài Gòn, Lê Duy Vận, Bác Hồ* là danh từ riêng cần phải viết hoa | - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Đoạn văn viết về hoạ sĩ Lê Duy Vận.*  *+ Viết về Lê Duy Vận đã vẽ bức chân dung Bác Hồ bằng máu chảy từ đôi mắt bị thương của anh*.  - HS lắng nghe  *-* HS nêu từ khó viết*: chiến đấu, quệt máu chảy, chân dung, triển lãm, trân trọng*  - Viết từ khó vào vở nháp |
| **Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe -viết tốt bài chính tả theo cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. | - HS nghe - viết bài vào vở |
| **Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS | - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. |
| **3. Luyện tập:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được ch/tr  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| **Bài 2a:** ch/tr?  ***- Giáo dục HS nghị lực và kiên trì như nhân vật Ngu Công trong câu chuyện***  **4. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | ***Cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp***  Lời giải: **Tr**ung Quốc, **ch**ín mươi tuổi, hai **tr**ái núi, **ch**ắn ngang, **ch**ê cười, **ch**ết, **ch**áu, **ch**ắt, **tr**uyền nhau, **ch**ẳng thể, **tr**ời, **tr**ái núi.  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  - Viết 5 tiếng, từ chứa ch/tr  - Tìm các từ láy chứa ch/tr |

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**Chùa thỜi LÝ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết được những biểu hiện về sự phát triển của đạo Phật thời Lý.

+ Nhiều vua nhà Lý theo đạo Phật.

+ Thời Lý, chùa được xây dựng ở nhiều nơi.

+ Nhiều nhà sư được giữ cương vị quan trọng trong triều đình.

**2. Kĩ năng**

- Hs nhận biết được một số công trình kiến trúc thời Lý, nhất là chùa thời Lý còn tồn tại đến ngày nay tại một số địa phương

**3. Phẩm chất**

- Hs có phẩm chất yêu quê hương, đất nước, biết quý trọng những công trình kiến trúc lịch sử.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*\* GD BVMT: Vẻ đẹp của chùa, BVMT về ý thức trân trọng di sản văn hóa của cha ông, có phẩm chất, hành vi giữ gìn sự sạch sẽ của cảnh quan môi trường.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Ảnh chụp phóng to chùa Dâu, chùa Một Cột, tượng phật A- di –đà

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, tranh ảnh sưu tầm các công trình kiến trúc thời Lý.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Vì sao Lý Thái Tổ chọn vùng đất Đại La làm kinh đô?*  *+ Em biết Thăng Long còn có những tên gọi nào khác nữa?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. | - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Muốn cho con cháu đời sau được ấm no hạnh phúc. . .*  *+ Long Đỗ, Tống Bình, Đông Kinh, Đông Đô, Đại La, Hà Nội*. |
| **2.Khám phá:***(30p)*  ***\* Mục tiêu*** - Biết được những biểu hiện về sự phát triển của đạo Phật thời Lý.. Nhận biết được một số công trình kiến trúc thời Lý, nhất là chùa thời Lý còn tồn tại đến ngày nay tại một số địa phương  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| \***HĐ1: . Đạo Phật dưới thời Lý.**  - GV cho HS đọc SGK từ “Đạo phật …. . ....rất thịnh đạt. ”  *+ Vì sao nói: “Đến thời Lý, đạo Phật trở nên thịnh đạt nhất?”*  **- GV: *Đạo Phật có nguồn gốc từ Ấn Độ, đạo phật du nhập vào nước ta từ thời phong kién phương Bắc đô hộ. Vì giáo lí của đạo Phật có nhiều điểm phù hợp với cách nghĩ, lối sống của nhân dân ta nên sớm được nhân dân tiếp nhận và tin theo.***  **Hoạt động 2: Vai trò của chùa thời Lý.**  - GV phát phiếu học tập cho HS  - GV đưa ra một số ý phản ánh vai trò, tác dụng của chùa dưới thời nhà Lý. Qua đọc SGK và vận dụng hiểu biết của bản thân, HS điền dấu x vào ô trống sau những ý đúng:  a. Chùa là nơi tu hành của các nhà sư □  b. Chùa là nơi tổ chức tế lễ của đạo phật □  c. Chùa là trung tâm văn hóa của làng xã □  d. Chùa là nơi tổ chức văn nghệ □  - GV nhận xét, Kết luận: Đáp án: a, b, c làđúng.  **Hoạt động 3: Mô tả kiến trúc một số chùa**  - GV đưa hình ảnh chùa Keo, chùa Một Cột, tượng Phật A- di- đà (có ảnh phóng to) và khẳng định chùa là một công trình kiến trúc đẹp.  - GV nhận xét và Kết luận.    **3. Hoạt động vận dụng** *(1p)*.  - Chùa thời Lý là một trong những đóng góp của thời đại đối với nền văn hóa, kiến trúc, điêu khắc của dân tộc Việt Nam. Trình độ xây dựng chùa chiền đó phản ánh sự phát triển của dân tộc về mọi phương diện. Chúng ta có quyền tự hào về điều đó.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | **Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc.  - Dựa vào nội dung SGK, HS thảo luận và đi đến thống nhất: Nhiều vua đã từng theo đạo Phật. Nhân dân theo đạo Phật rất đông. Kinh thành Thăng Long và các làng xã có rất nhiều chùa.  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS các nhóm thảo luận và điền dấu X vào ô trống.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung cho hoàn chỉnh.  **Cá nhân – Lớp**  - Vài HS mô tả (kết hợp quan sát tranh)  - HS khác nhận xét.  - HS đọc bài học.  - HS liên hệ ý thức giữ gìn bảo vệ đình chùa, các công trinh văn hoá  - HS mô tả bằng lời hoặc bằng tranh ngôi chùa mà em biết (chùa làng em hoặc ngôi chùa mà em đã đến tham quan). |

**Thứ tư, ngày 23 tháng 11 năm 2021**

**TOÁN**

***Tiết 58:* LUYỆN TẬP (tr. 68)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập về các kiến thức liên quan đến phép nhân

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh.

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (dòng 1), bài 2: a; b (dòng 1), bài 4

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh.  **\* Cách tiến hành** | |
| ***\*Bài 1: dòng 1 (HSNK hoàn thành cả bài)***  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập, sau đó cho HS tự làm bài.  \* Chú ý giúp đỡ hs M1+M2  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách nhân một số với một tổng (hiệu)  ***Bài 2:(a,b dòng 1) HSNK hoàn thành cả bài***  ***a.*** Tính bằng cách thuận tiên nhất  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *+ Áp dụng tính chất gì để chúng ta tính được cách thuận tiện?*  - Củng cố cách tính thuận tiện.  **b,**  - GV hướng dẫn bài tập mẫu.  - GV yêu cầu HS làm theo nhóm,  - GV chốt đáp án.  ***Bài 4***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  \* Lưu ý hs M3+M4 có thể hoàn thành cả bài. (tính diện tích)  **Bài 3** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố tính chất nhân 1 số với 1 tổng  **4. Hoạt động vận dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) | **Cá nhân – Lớp.**  - Thực hiện theo YC của GV.  - Làm cá nhân- Chia sẻ lớp.  Đ/a:  a. 135 x (20 + 3)  = 135 x 20 + 135 x 3  = 2700 + 405  = 3105  b. 642 x (30 – 6)  = 642 x 30 – 642 x 6  = 19260 - 3852  = 15 408  - Cá nhân- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:  134 x 4 x 5 = 134 x (4 x 5)  = 135 x 20  = 2700  5 x 36 x 2 =(5 x 2) x 36  = 10 x 36  = 360  42 x 2 x 7 x 5= (42 x 7) x (2 x 5)  = 294 x 10  = 2940  *+ Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân để tính thuận tiện.*  - Cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  Đ/a:  137 x 3 + 137 x 97 = 137 x (3 + 97)  = 137 x 100  = 13700  428 x 12 – 428 x 2= 428 x (12 – 2)  = 428 x 10  = 4280  - HS đọc đề bài- Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - HS làm cá nhân vào vở- Chia sẻ lớp  Đ/a:  Chiều rộng của sân vận động là  180: 2 = 90 (m)  Chu vi của sân vận động là  (180 + 90) x 2 = 540 (m)  Đáp số: 540 m.  **\*S = 180 x 90 = 16200 (m2)**  - HS làm bài vào vở Tự học- Chia sẻ cách làm dưới lớp  VD: 217 x 11 = 217 x (10 + 1)  = 217 x 10 + 217 x 1  = 2170 + 217 = 2387  - Ghi nhớ các KT trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải |

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: Ý CHÍ – NGHỊ LỰC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ (kể cả tục ngữ, từ Hán Việt) nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết xếp các từ Hán Việt (có tiếng chí) theo hai nhóm nghĩa (BT1); hiểu nghĩa từ nghị lực (BT2); điền đúng một số từ (nói về ý chí, nghị lực) vào chỗ trống trong đoạn văn (BT3); hiểu ý nghĩa chung của một số câu tục ngữ theo chủ điểm đã học (BT4).

**2. Kĩ năng**

- HS biết tìm những từ Hán Việt nói về ý chí nghị lực, hiểu một số câu thành ngữ, tục ngữ.

**3. Phẩm chất**

- HS có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ viết nội dung bài tập 3, 4.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** |
| 1**. Khởi động** (3p)  *+ Thế nào là tính từ, cho ví dụ. Đặt câu với VD vừa tìm được?*  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới | | - HS lấy VD và đặt câu |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết xếp các từ Hán Việt theo hai nhóm nghĩa, hiểu nghĩa từ nghị lực.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Bài 1: *Bài 1:*** Xếp các từ có tiếng chí sau đây vào hai nhóm. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV phát phiếu học tập  - Kết luận, chốt đáp án.  \* Chú ý quan tâm hs M1+M2    - Yêu cầu đặt câu với 1 từ vừa xếp  *+ Ngoài ra, em còn biết những từ có chứa tiếng "chí" nào khác?*  ***Bài 2***:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  -GV giúp HS hiểu thêm các nghĩa của câu a, c, d.  *+ Làm việc liên tục, bền bỉ là nghĩa của từ nào?*  *+ Chắc chắn, bền vững, khó phá vỡ là nghĩa của từ nào?*  *+ Có tình cảm rất chân tình sâu sắc là nghĩa của từ nào?*  \*HS M3+M4: Đặt câu với các từ : *nghị lực, kiên trì, kiên cố, chí tình*  ***Bài 3:***  Em chọn từ nào trong ngoặc đơn...  - GV treo bảng phụ ghi ND bài 3 lên bảng.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở.  - Gọi HS đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh.  ***Bài 4:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Gv giúp HS hiểu nghĩa đen của các câu tục ngữ (theo SGV)  - Giáo dục HS ý chí, nghị lực vươn lên  **3. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | **Nhóm 2-Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - Hs thảo luận nhóm 2- Chia sẻ trước lớp  Đ/á:   |  |  | | --- | --- | | **Chí** có nghĩa là rất, hết sức (biểu thị mức độ cao nhất) | *Chí phải, chí lý,*  *chí thân, chí tình,*  *hí công.* | | **Chí** có nghĩa là ý muốn bền bỉ theo đuổi một mục đích tốt đẹp. | *ý chí, chí khí,*  *chí hướng, quyết*  *chí.* |   **Cá nhân- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  Đ/á:  + Dòng b (Sức mạnh tinh thần làm cho con người kiên quyết trong hành động, không lùi bước trước mọi khó khăn) là đúng nghĩa của từ nghị lực.  ***+*** *Là....kiên trì*  *+Là .... kiên cố****.***  *+ Là nghĩa của từ chí tình, chí nghĩa.*  -HS đặt câu.  - Nhận xét, bổ sung.  **Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**  - Làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  Đ/á:  + Thứ tự từ cần điền: **Nghị lực, nản chí, quyết tâm, kiên nhẫn, quyết chí, nguyện vọng.**  - 1 HS đọc thành tiếng.  **Cá nhân- Lớp**  Đ/á:  a. ***Thử lửa vàng, gian nan thử sức****.* Khuyên người ta đừng sợ vất vả, gian nan. Gian nan, vất vả thử thách con người, giúp con người được vững vàng, cvận cỏi hơn.  *b.* ***Nước lã mà* *vã nên hồ***  ***Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan:*** Khuyên người đừng sợ bắt đầu từ hai bàn tay trắng. Những người từ tay trắng mà làm nên sự nghiệp càng đáng kính trọng, khâm phục.  c. ***Có vất vả mới thanh nhàn***  ***Không dưng ai dễ cầm tàn che cho:*** Khuyên người ta phải vất vả mới có lúc thanh nhàn, có ngày thành đạt  - Ghi nhớ các từ thuộc chủ điểm  BT PTNL: Chọn các từ ngữ trong ngoặc đơn (quyết tâm, ý chí, bài học) điền vào chố trống:  Câu chuyện Ngu Công dời núi cho người đọc một........về .....của con người. Chín mươi tuổi, Ngu Công còn.....đào núi đổ đi để lấy đường vào nhà mình. | |

**ANH VĂN (2 TIẾT)**

**GVBM**

**TẬP LÀM VĂN**

**KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được hai cách kết bài (kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng) trong bài văn kể chuyện (mục I và BT1, BT2 mục III).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu viết được đoạn kết bài cho bài văn kể chuyện theo cách mở rộng (BT3, mục III).

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực, tự giác làm việc nhóm

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :Bảng phụ viết sẵn kết bài Ông trạng thả diều theo hướng mở rộng và không mở rộng.

- HS: SGK, Sách Truyện đọc 4

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(***5p)*    *+ Nêu các cách MB trong bài văn kể chuyện?*  - GV dẫn vào bài mới | - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ MB trực tiếp và MB gián tiếp* |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được hai cách kết bài (kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng) trong bài văn kể chuyện.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2- Lớp** | |
| ***Bài 1, 2:***  - Gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc truyện Ông trạng thả diều. Cả lớp đọc thầm, trao đổi và tìm đoạn kết truyện.  - Gọi HS phát biểu.  - Nhận xét chốt lại lời giải đúng.  ***Bài 3:***  - Yêu cầu HS làm việc trong nhóm.  - Gọi HS phát biểu, GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp cho từng HS.  ***Bài 4:***  So sánh hai cách kết bài trên.  - Gọi HS đọc yêu cầu. GV treo bảng phụ viết sẵn đoạn kết bài để cho HS so sánh.  - Gọi HS phát biểu.  \****Kết luận:***  ***+ Cách viết của bài thứ nhất chỉ có biết kết cục của câu chuyện không có bình luận thêm là cách viết bài không mở rộng.***  ***+ Cách viết bài thứ hai đoạn kết trở thành một đoạn thuộc thân bài. Sau khi cho biết kết cục, có lời đánh giá nhận xét, bình luận thêm về câu chuyện là cách kết bài mở rộng.***  *+Thế nào là kết bài mở rộng, không mở rộng?*  ***c. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ trong SGK. | - 2 HS nối tiếp nhau đọc truyện.  - HS đọc thầm, dùng bút chì gạch chân đoạn kết bài trong truyện.  -> **Kết bài:** Thế rồi vua mở khoa thi. Chú bé thả diều đỗ trạng nguyên. Đó là trạng nguyên trẻ nhất của nước Việt Nam ta.  - 2 HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - HS ngồi cùng bàn trao đổi thảo luận để có lời đánh giá hay- Chia sẻ trước lớp  *+ Câu chuyện giúp em hiểu hơn lời dạy của ông cha ta từ ngàn xưa: “có chí thì nên”*  *+ Nguyễn Hiền là một tấm gương sáng về ý chí và nghị lực cho chúng em.*  - HS đọc thành tiếng, HS trao đổi nhóm 2- chia sẻ lớp  *+ Cách viết bài của truyện chỉ có biết kết cục của truyện mà không đưa ra nhiều nhận xét, đánh giá.*  *+ Cách kết bài ở bài tập 3 cho biết kết cục của truyện, còn có lời nhận xét đánh giá làm cho người đọc khắc sâu, ghi nhớ ý nghĩa của truyện.*  - Lắng nghe.  - HS nêu  - 2 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm. |
| **3. HĐ thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu**: Nhận biết được các cách kết bài đã học  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| ***Bài 1:*** Sau đây là một số. . .  ***-*** Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.  *+ Đó là những kết bài theo cách nào? Vì sao em biết?*  - Gọi HS phát biểu.  - Nhận xét chung; kết luận về lời giải đúng.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 nhận diện được kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng.  ***Bài 2:*** Tìm phần kết của câu chuyện sau. . .  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi HS phát biểu.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.    ***Bài 3:***  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - Gọi HS đọc bài. GV sữa lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp cho từng HS.  \* HS M3+M4 nhận diện được các cách kết bài, viết được kết bài theo 2 cách đó.  ***4.* HĐ vận dụng***(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* | **Nhóm 4- Lớp**  - 5 HS tiếp nối nhau đọc từng cách mở bài.  - HS trao đổi, trả lời câu hỏi theo nhóm 4.  *+ Cách a: là kết bài không mở rộng vì chỉ nêu kết thúc câu chuyện Thỏ và rùa.*  *+ Cách b/ c/ d/ e/ là cách kết bài mở rộng vì đưa ra thêm những lời bình luận nhận xét chung quanh kết cục của truyện.*  - Lắng nghe.  **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận, dùng bút chì đánh dấu kết bài của từng truyện.  **Đáp án:** *Kết bài của hai bài “Một người chính trực, Nỗi dằn vặt của An – đrây – ca” là hai kết bài không mở rộng.*  **Cá nhân- Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - Tự làm bài vào vở.  - Đọc bài, sửa lỗi (nếu có).VD:  \* Câu chuyện giúp chúng ta hiểu: Người chính trực làm gì cũng theo lẽ phải, luôn đặt việc công, đặt lợi ích của đất nước lên trên tình riêng.  \* An – đrây – ca tự dằn vặt, tự cho mình có lỗi vì em rất thương ông. Em đã trung thực, nghiệm khắc với lỗi lầm của bản thân.  - Ghi nhớ 2 cách KB và vận dụng khi làm bài  - Tìm một số câu chuyện đã học trong sách giáo khoa có kiểu kết bài không mở rộng và viết lại theo kiểu KBMR |

**KĨ THUẬT**

**KHÂU VIỀN ĐƯỜNG GẤP MÉP VẢI BẰNG MŨI KHÂU ĐỘT** **THƯA** (T3)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa.

**2. Kĩ năng**

- Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

\* HS năng khiếu: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Mẫu đường gấp mép vải được khâu viền bằng các mũi khâu đột có kích thước đủ lớn và một số sản phẩm có đường khâu viền đường gấp mép vải bằng khâu đột hoặc may bằng máy (quần, áo, vỏ gối, túi xách tay bằng vải …)

- HS: Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải trắng hoặc màu, kích 20 x30cm.

+ Len (hoặc sợi), khác với màu vải.

+ Kim khâu len, kéo cắt vải, thước, bút chì. .

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp,

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - Nêu qui trình thực hiện khâu viền đường gấp mép vải?  - GV nhận xét, khen ngợi, dẫn vào bài học | - HS nêu |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **HĐ3: HS thực hành khâu viền đường gấp mép vải**  - GV gọi HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - Nêu cách khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .    - GV nhắc lại và hướng dẫn thêm một số điểm lưu ý đã nêu ở tiết 1.  - GV tổ chức cho HS thực hành và nêu thời gian hoàn thành sản phẩm.  - GV quan sát uốn nắn thao tác cho những HS còn lúng túng hoặc chưa thực hiện đúng.  **HĐ4: Đánh giá kết quả học tập của HS**.  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu tiêu chẩn đánh giá sản phẩm:  + Gấp được mép vải. Đường gấp mép vải tương đối thẳng, phẳng, đúng kỹ thuật.  + Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột.  + Mũi khâu tương đối đều, thẳng, không bị dúm.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định.    - GV nhận xét và đánh giá chung  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* | **Cá nhân**  - HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - HS nêu  *+ Bước 1: Gấp mép vải.*  *+ Bước 2: Khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .*  - HS thực hành .  - HS trưng bày sản phẩm trong nhóm  - Nhóm trưởng điều hành cách đánh giá các sản phẩm theo các tiêu chí đã nêu  - Chọn sản phẩm trưng bày trên lớp  - Thực hành khâu tại nhà  - Tạo sản phẩm từ bài học |

**Thứ năm, ngày 24 tháng 11 năm 2022**

**NĂNG KHIẾU (2 TIẾT)**

**GVBM**

**TOÁN**

***Tiết 59:* NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân với số có hai chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số.

**3. Phẩm chất**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a, b, c), bài 3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK, vở,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hình thành kiến thức (***15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết cách nhân với số có hai chữ số  **\* Cách tiến hành:**.***Cá nhân- Nhóm – Lớp*** | |
| *1. Phép nhân 36 x 23*  - GV viết lên bảng phép tính 36 x 23.  - Yêu cầu vận dụng các KT đã học để tính kết quả  *+ Vận dụng tính chất nào?*  - Hướng dẫn đặt tính và tính như sau:  \* Hướng dẫn đặt tính và tính:  36  x  23  108  72  828  Vậy 36 x 23 = 828  ♣ 108 gọi là tích riêng thứ nhất.  ♣ 72 gọi là tích riêng thứ hai. Tích riêng thứ hai được viết lùi sang bên trái một cột vì nó là 72 chục, nếu viết đầy đủ phải là 720.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 | - HS nhận xét: Phép nhân với số có 2 chữ số  - HS tính:cá nhân-chia sẻ trước lớp  36 x 23 = 36 x (20 + 3)  = 36 x 20 + 36 x 3  = 720 + 108  = 828  *+ Nhân 1 số với 1 tổng*  - HS nêu cách đặt tính  - HS nêu cách viết các tích riêng: Tích riêng thứ 2 viết lùi vào 1 cột so với tích riêng thứ nhất vì lần nhân thứ 2 ta lấy 2 chục nhân với 36.  - HS lấy VD về phép nhân với số có 2 chữ số và thực hiện đặt tính rồi tính (HS M3+M4) |
| **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** Nhân được với số có 2 chữ số. Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số.  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1a, b, c: (****HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài)*  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.  \* Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 3:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Thu chữa một số bài, nhận xét, đánh giá vở của HS  - GV chữa bài    **Bài 2 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV chốt cách tính giá trị BT có chứa 1 chữ. Củng cố nhân với số có 2 chữ số  **4. HĐ vận dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** | **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  VD:  86  x  53  258  430  4558  Vậy 86 x 53 = 4558  Phần b, c thực hiện tương tự  **Cá nhân-chia sẻ lớp.**  Bài giải  Số trang của 25 quyển vở cùng loại đó là:  48 x 25 = 1200 (trang)  Đáp số: 1200 trang  - HS làm bài vào vở Tự học- Chia sẻ lớp  VD: Nếu a= 13 thì 45 x a = 45 x 13 = 585  - Ghi nhớ cách nhân với số có 2 chữ số  BT PTNL: (M3+M4) Một khu đất hình vuông có cạnh dài 16m. Tính chu vi và diện tích khu đất đó. |

**TẬP ĐỌC**

**VẼ TRVẬN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Nhờ khổ công rèn luyện, Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã trở thành một hoạ sĩ thiên tài (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, Vê-rô-ki-ô); bước đầu biết đọc diễn cảm lời thầy giáo (nhẹ nhàng, khuyên bảo ân cần).

**3. Phẩm chất**

- GD HS tính kiên trì trong học tập và rèn luyện

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 121SGK (phóng to)

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** *(3p)*  *+* 1 em đọc bài:***“***Vua tàu thuỷ Bạch Thái Bưởi”  *+ Trước khi mở công ty Bạch Thái Bưởi đã làm những công việc gì?*  *+Nêu ý nghĩa bài học.*  - GV dẫn vào bài mới | -1 HS đọc  *+ Ông làm thư kí, sau đó buôn gỗ, buôn ngô, . . .*  - HS nêu ý nghĩa bài học. |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, Vê-rô-ki-ô); bước đầu biết đọc diễn cảm lời thầy giáo (nhẹ nhàng, khuyên bảo ân cần).  \* **Cách tiến hành:** | |
| - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng kể từ tốn. Lời thầy giáo đọc với giọng khuyên bảo nhẹ nhàng. Đoạn cuối bài đọc với giọng cảm hvận, ca ngợi.  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) | - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 2 đoạn  + Đoạn 1: *Ngay từ nhỏ… đến vẽ được như ý.*  *+* Đoạn 2*: Phần còn lại.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*Lê-ô-nác-đô đa, Vê-rô-ki-ô, dạy dỗ, nhiều lần, tỏ vẻ chán ngán, vẽ đi vẽ lại,...,...,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - GV phát phiếu học tập cho từng nhóm  *+ Sở thích của Lê- ô- nác- đô khi còn nhỏ là gì?*  *+ Vì sao trong những ngày đầu học vẻ, cậu bé cảm thấy chán ngán?*  *+ Thầy Vê- rô- ki- ô cho học trò vẽ trvận để làm gì?*  *+ Nội dung chính của đoạn 1?*  *+ Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi thành đạt như thế nào?*  *+ Theo em những nguyên nhân nào khiến cho Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi trở thành hoạ sĩ nổi tiếng? Nguyên nhân nào là quan trọng nhất?*  *+ Nêu nội dung chính cảu đoạn 2?*  ***GV: Những nguyên nhân trên đều tạo nên những thành công của Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là sự khổ công luyện tập của ông. Người ta thường nói: Thiên tài được tạo nên bởi 1% năng khiếu bẩm sinh, 99% do công khổ luyện mà mỗi thiên tài đều bắt đầu từ những đứa trẻ. Ngay từ hôm nay, các em hãy cống gắng học giỏi hơn nữa để ngày mai làm việc thật tốt.***  - Hãy nêu nội dung của bài.  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. | - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Sở thích của Lê- ô- nác- đô khi còn nhỏ là rất thích vẽ.*  *+ Vì suốt mấy ngày cậu chỉ vẽ trvận, vẽ hết quả này đến quả khác.*  *+ Thầy cho học trò vẽ trvận để biết cách quan sát mọi sự vật một cách cụ thể tỉ mỉ, miêu tả nó trên giấy vẽ chính xác.*  **Đoạn 1: *Lê- ô- nác- đô khổ công vẽ trvận theo lời khuyên chân thành của thầy.***  *+ Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi trở thành danh hoạkiệt xuất, tác phẩm của ông được trưng bày trân trọng ở nhiều bảo tàng lớn, là niềm tự hào của toàn nhân loại. Ông đồng thời là còn là nhà điêu khắc, kiến trúc sư, kĩ sư, nhà bác học lớn.*  *+ Do: Ông ham thích vẽ và có tài bẩm sinh.*  *+ Ông có người thầy tài giỏi và tận tình chỉ bảo.*  *+ Ông khổ luyện, miệt mài nhiều năm tập vẽ.*  **Đoạn 2: *Sự thành đạt của Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi.***  - 1 HS nhắc lại: Ông thành đạt là nhờ sự khổ công rèn luyện.  - Lắng nghe.  **Nội dung*:* Bài văn ca ngợi sự khổ công rèn luyện của Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi, nhờ đó ông đã trở thành danh họa nổi tiếng*.***  - HS ghi lại nội dung bài |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài, phân biệt lời nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động vận dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì qua nhân vật Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi?  - Liên hệ, giáo dục ý chí vươn lên trong học tập và cuộc sống  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* | - 1 HS nêu lại  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS liên hệ  - Sưu tầm tên các câu chuyện, các bức tranh nổi tiếng của Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi. |

**ANH VĂN**

**GVBM**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TÍNH TỪ (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất (BT1, mục III); bước đầu tìm được một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất và tập đặt câu với từ tìm được (BT2, BT3, mục III).

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp viết sẵn 6 câu ở bài tập 1, 2 phần nhận xét.

+ Bảng phụ viết bài tập 1 luyện tập.

+ Bảng nhóm.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động *(5p)***  *+ Tính từ là gì? Lấy VD về tính từ.*  + Đặt câu có chứa tính từ  - Dẫn vào bài mới | - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Tính từ là từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,...VD: xanh, cao, thấp,...*  - HS nối tiếp đặt câu |
| **2. Hình thành KT (15p)**  **\* Mục tiêu:** Nắm được một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **a. Nhận xét**  ***Bài 1:***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi.  *+ Em có nhận xét gì về các từ chỉ đặc điểm của tờ giấy?*  ***- GV: Mức độ đặc điểm của tờ giấy được thể hiện bằng cách tạo ra các từ ghép: trắng tinh, hoặc từ láy: trăng trắng từ tính từ trắng đã cho ban đầu.***  ***Bài 2:***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận và trả lời.  *+ Trong các câu dưới đây, ý nghĩa của mức độ được thể hiện bằng những cách nào?*  *+ Có những cách nào thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất?*  ***b. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ. | **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng.  - HS thảo luận cặp đôi để tìm câu trả lời  a/. Tờ giấy màu trắng: Mức độ trắng bình thường.  b/. Tờ giấy màu trăng trắng: mức độ trắng ít.  c/. Tờ giấy màu trắng tinh: mức độ trắng phau.  *+ Ở mức độ trắng trung bình thì dùng tính từ trắng. Ở mức độ ít trắng thì dùng từ láy trăng trắng. Ở mức độ trắng phau thì dùng từ ghép trắng tinh.*  - Lắng nghe.  - HS đọc thành tiếng.  - 2 HS thảo luân nhóm bàn trao đổi và trả lời  *- Ý nghĩa mức độ được thể hiện bằng cách:*  *+ Thêm từ rất vào trước tính từ trắng= rất trắng.*  *+ Tạo ra phép so sánh bằng cách ghép từ hơn, nhất với tính từ trắng = trắng hơn, trắng nhất.*  *- Có 3 cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất.*  *+ Tạo ra từ ghép hoặc từ láy với tính từ đã cho.*  *+ Thêm các từ: rất, quá, lắm, vào trước hoặc sau tính từ.*  *+ Tạo ra phép so sánh.*  - 2 HS đọc thành tiếng.  - HS M3, M4 lấy VD về cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất. |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất, bước đầu tìm được một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất và tập đặt câu với từ tìm được  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Tìm những từ biểu thị mức độ. . .  - Gọi 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu và ND bài tập.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  - Cho HS hiểu thêm về vẻ đẹp của hoa cà phê để giáo dục tình yêu với các loài cây, tình yêu quê hương, đất nước  ***Bài 2:*** Hãy tìm những từ. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  *+ Có những cách nào để thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất?*  ***Bài 3:*** Đặt câu với mỗi từ ngữ em. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Yêu cầu HS tự đặt câu sau đó đọc trước lớp.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho hoàn chỉnh.  \* Hs M3+M4 đặt câu với tính từ vừa tìm được có sử dụng các biệ pháp so sánh, nhân hóa.  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | **Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  Thứ tự từ cần tìm: *thơm* ***đậm*** và ***ngọt, rất*** *xa*, *thơm* ***lắm,*** *Trong* ***ngà*** *trắng* ***ngọc,*** *trắng* ***ngà ngọc,*** *đẹp* ***hơn*,** *lộng lẫy* ***hơn*** và *tinh khiết* ***hơn***.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS thảo luận nhóm 4- Chia sẻ lớp  Đ/a: VD về từ "đỏ"  - *Cách1 : (tạo từ ghép, từ láy với tính từ đỏ) đo đỏ, đỏ rực, đỏ hồng, đỏ chót, đỏ chói, đỏ choét, đỏ chon chót, đỏ tím, đỏ sậm, đỏ tía, đỏ thắm, đỏ hon hỏn…*  *- Cách 2 (thêm các từ rất, quá, lắm và trước hoặc sau tính từ đỏ): rất đỏ, đỏ lắm, đỏ quá, quá đỏ, đỏ rực, đỏ vô cùng,*  *- Cách 3: (tạo ra từ ghép so sánh): đỏ hơn, đỏ nhất, đỏ như son, đỏ hơn son, …*  - HS trả lời để củng cố bài học  **Cá nhân –Lớp**  - HS nối tiếp đặt câu, chia sẻ trước lớp  VD:  *+ Mẹ về làm em vui quá!*  *+ Mũi chú hề đỏ chót.*  *+ Bầu trời cao vút.*  *+ Em rất vui mừng khi được cô giáo khen.*  - Ghi nhớ các cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất và vận dụng khi viết văn.  - Tìm từ ngữ miêu tả mức độ khác nhau của các đặc điểm: trắng, đen. |

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**ĐỒng BẰng BẮc BỘ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ:

+ Đồng bằng Bắc Bộ do phù sa của sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp nên; đây là đồng bằng lớn thứ hai nước ta.

+ Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác, với đỉnh ở Việt Trì, cạnh đáy là đường bờ biển.

+ Đồng bằng Bắc Bộ có bề mặt khá bằng phẳng, nhiều sông ngòi, có hệ thống đê ngăn lũ.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam.

- Chỉ một số sông chính trên bản đồ (lược đồ): sông Hồng, sông Thái Bình.

\* HS năng khiếu: Dựa vào ảnh trong SGK, mô tả đồng bằng Bắc Bộ: đồng bằng bằng phẳng với nhiều mảnh ruộng, sông uốn khúc, có đê và mương dẫn nước.

**3. Phẩm chất**

- HS nêu tác dụng của hệ thống đê ở đồng bằng Bắc Bộ và có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

***\* BVMT:***

***-*** *Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền đồng bằng*

*+Đắp đê ven sông, sử dụng nước để tưới tiêu*

*+Trồng rau xứ lạnh vào mùa đông ở ĐBBB*

*+Cải tạo đất chua mặn ở ĐBBB*

*+Thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch*

*+Trồng phi lao để ngăn gió*

*+Trồng lúa, trồng trái cây*

*+Đánh bắt nuôi trồng thủy sản*

*- Một số đặt điểm chính của môi trường và TNTN và khai thác TNTN ở đồng bằng (đất phù sa màu mỡ ở ĐBBB và ĐBNB; môi trường tự nhiên của ĐBDHMT: nắng nóng, bão lụt gây ra nhiều khó khăn với đời sống và HĐSX)*

***\*TKNL:*** *Đồng bằng Bắc Bộ có hệ thống sông ngòi dày đặc, đây là nguồn phù sa tạo ra đồng bằng châu thổ, đồng thời là nguồn nước tưới và nguồn năng lượng quá giá.*

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + - Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Tranh, ảnh về đồng bằng Bắc Bộ, sông Hồng, đê ven sông (sưu tầm)

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:***(5p)*    - GV giới thiệu bài mới | - TBVN điêu hành lớp hát, vận động tại chỗ. |
| **2. Khám phá:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ:  - Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| ***Hoạt động1*. Đồng bằng lớn ở miền Bắc:**  - GV treo bản đồ Địa lí tự nhiên lên bảng và chỉ vị trí của đồng bằng Bắc Bộ.  + *Đồng bằng BB có dạng hình gì?*  - GV cho HS dựa vào ảnh đồng bằng Bắc Bộ, kênh chữ trong SGK, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Đồng bằng Bắc Bộ do sông nào bồi đắp nên?*  *+ Đồng bằng có diện tích lớn thứ mấy trong các đồng bằng của nước ta?*  *+ Địa hình (bề mặt) của đồng bằng có đặc điểm gì?*  - GV hướng dẫn HS quan sát hình 2 để nhận biết đồng bằng có địa hình thấp, bằng phảng, sông chảy ở giữa đồng bằng thường uốn lượn quanh co. Những nới có màu sẫm hơn là làng mạc của người dân.  **Hoạt động 2: Sông ngòi và hệ thống đê ngăn lũ:**  - GV yêu cầu HS (quan sát hình 1…), sau đó lên bảng chỉ trên bản đồ sông Hồng và sông Thái Bình.  - GV cho HS liên hệ thực tiễn theo gợi ý: *Tại sao sông có tên gọi là sông Hồng?*  - ***GV chỉ trên bản đồ Việt Nam sông Hồng và sông Thái Bình, đồng thời mô tả sơ lược về sông Hồng: Đây là con sông lớn nhất ở miền Bắc, bắt nguồn từ Trung Quốc, đoạn sông chảy qua đồng bằng Bắc Bộ chia thành nhiều nhánh đổ ra biển bằng nhiều cửa, có nhánh đổ ra sông Thái Bình như sông Đuống, sông Luộc: vì có nhiều phù sa nên sông quanh năm có màu đỏ, do đó sông có tên là sông Hồng. Sông Thái Bình do ba sông: sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam hợp thành. Đoạn cuối sông cũng chia thành nhiều nhánh và đổ ra biển bằng nhiều cửa.***  *+ Khi mưa nhiều, nước sông, ngòi, hồ, ao như thế nào?*  *+ Mùa mưa ở đồng bằng Bắc Bộ trùng với mùa nào trong năm?*  *+ Vào mùa mưa, nước các sông ở đây như thế nào?*  ***- GV nói về hiện tượng lũ lụt ở đồng bằng Bắc Bộ khi chưa có đê, khi đê vỡ (nước các sông lên rất nhanh, cuồn cuộn tràn về làm ngập lụt cả đồng ruộng, cuốn trôi nhà cửa, phá hoại mùa màng, gây thiệt hại cho tính mạng và tài sản của người dân …)***  ***3. thực hành:***  **Hoạt động 3: Nhóm:**  - Cho HS dựa vào kênh chữ trong SGK và vốn hiểu biết của mình để thảo luận theo gợi ý:  *+ Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ đắp đê ven sông để làm gì?*  *+ Hệ thống đê ở đồng bằng Bắc Bộ có đặc điểm gì?*  *+ Ngoài việc đắp đê, người dân còn làm gì để sử dụng nước các sông cho sản xuất?*  - GV nói thêm về tác dụng của hệ thống đê, ảnh hưởng của hệ thống đê đối với việc bồi đắp đồng bằng. Sự cần thiết phải bảo vệ đê ven sông ở đồng bằng Bắc Bộ.  **3. Hoạt động vận dụng *(2p)***  - GV yêu cầu HS lên chỉ đồng bằng và mô tả về đồng bằng sông Hồng, về sông ngòi và hệ thống đê ven sông hoặc nối các mũi tên vào sơ đồ nói về quan hệ giữa khí hậu, sông ngòi và hoạt động cải tạo tự nhiên của người dân đồng bằng Bắc Bộ  ***Vídụ***: Mùa hạ mưa nhiều 🡪 nước sông dâng lên nhanh🡪 gây lũ lụt 🡪 đắp đê ngăn lũ.  GD BVMT & TKNL: Đồng bằng Bắc Bộ có hệ thống sông ngòi dày đặc, đây là nguồn phù sa tạo ra đồng bằng châu thổ, đồng thời là nguồn nước tưới và nguồn năng lượng quá giá. Chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng?  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | **Cá nhân- Nhóm 2-Lớp**  - HS tìm vị trí đồng bằng Bắc Bộ trên lược đồ.  *+ Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác với đỉnh ở Việt Trì, cạnh đáy là đường bờ biển*  - Nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Sông Hồng và sông Thái Bình.*  *+ Diện tích lớn thứ hai. (rộng khoảng 15000 km2)*  *+ Địa hình khá bằng phẳng và mở rộng ra biển.*  - HS quan sát hình 2.  **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS quan sát và lên chỉ vào bản đồ.  *+ Vì có nhiều phù sa nên quanh năm sông có màu đỏ*.  - HS lắng nghe.  - Quan sát, lắng nghe  *+ Dâng cao thường gây ngập lụt ở đồng bằng.*  *+ Mùa hạ.*  *+ Nước các sông dâng cao gây lũ lụt.*  - Lắng nghe, liên hệ  **Nhóm 2- Lớp**  *+ Ngăn lũ lụt.*  *+ Hệ thống đê ở đồng bằng sông Hồng ngày càng được đắp cao hơn,*  *+ Tưới tiêu cho đồng ruộng*.  - HS đọc bài học.  +Đắp đê ven sông, sử dụng nước để tưới tiêu  +Trồng rau xứ lạnh vào mùa đông ở ĐBBB  +Cải tạo đất chua mặn ở ĐBBB  +Thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch  +Trồng phi lao để ngăn gió  +Trồng lúa, trồng trái cây  +Đánh bắt nuôi trồng thủy sản  - Sưu tầm, trưng bày tranh ảnh về đồng bằng BB |

**Thứ sáu, ngày 25 tháng 11 năm 2022**

**TIN HỌC(2 TIẾT)**

**GVBM**

**TOÁN**

***Tiết 60:* LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Thực hiện được nhân với số có hai chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được vào giải bài toán có phép nhân với số có hai chữ số.

**3. Phẩm chất**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Vận dụng nhân với số có 2 chữ số để giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Đặt tính rồi tính:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.  ***Bài 2 cột 1, 2:*** (HSNK hoàn thành cả bài)  - Treo bảng phụ  - Gọi HS nêu nội dung từng dòng, từng cột trong bảng.  - Nhận xét, chốt đáp án, nêu cách tính giá trị của BT có chứa chữ.  ***Bài 3***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, đánh giá bài làm của HS trong vở  **Bài 4+ Bài 5** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. HĐ vận dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) | **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  17 428 2057  x  x  x  53 39 23  51 3852 6171  85 1284 4114  901 16692 47311  **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  Đ/a:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | m | 3 | 30 | | m x 78 | **234** | **2340** |   **Cá nhân- Lớp**  - HS đọc đề bài- Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Làm bài cá nhân- Chia sẻ lớp  Bài giải  24 giờ có số phút là:  60 x 24 = 1440 (phút)  Số lần tim người đó đập trong 24 giờ là:  75 x 1440 = 108 000 (lần)  Đáp số: 108 000 lần  - HS làm vào vở Tự học- Chia sẻ lớp  ***Bài 4:*** Bài giải  Cửa hàng thu được số tiền là:  5200x13 + 5500x18 = 166 600 (đồng)  Đáp số: 166 600 đồng  ***Bài 5:***  Bài giải  Số học sinh của 12 lớp là:  30 x 12 = 360 (học sinh)  Số học sinh của 6 lớp là:  35 x 6 = 210 (học sinh)  Tổng số học sinh của trường là:  360 + 210 = 570 (học sinh)  Đáp số: 570 học sinh  - Ghi nhớ cách nhân với số có 2 c/s  - Suy nghĩ tìm cách giải ngắn gọn với các bài tập 3,4,5 |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**KỂ CHUYỆN (Kiểm tra viết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Viết được bài văn kể chuyện đúng yêu cầu đề bài, có nhân vật, sự việc, cốt truyện (mở bài, diễn biến, kết thúc).

**2. Kĩ năng**

- Diễn đạt thành câu, trình bày sạch sẽ; độ dài bài viết khoảng 120 chữ (khoảng 12 câu).

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: chuẩn bị bảng lớp viết dàn bài vắn tắt của bài văn kể chuyện.

- HS: Vở BT, SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\*Mục tiêu:** - Viết được bài văn kể chuyện đúng yêu cầu đề bài, có nhân vật, sự việc, cốt truyện  - Diễn đạt thành câu, trình bày sạch sẽ; độ dài bài viết khoảng 120 chữ  **\* Cách tiến hành:**  **Đề bài:** Kể một câu chuyện em đã được nghe hoặc được đọc về một người có tấm lòng nhân hậu. | |
| - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu đề bài.  - GV gạch chân dưới các từ quan trọng.  - Gọi HS nêu lại cấu tạo 3 phần bài văn kể chuyện, các cách mở bài, các cách kết bài.  - GV đưa bảng phụ có dàn ý  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - Theo dõi và nhắc nhở.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  - Hs M3+M4 viết bài văn giàu hình ảnh, sử dụng tốt các biện pháp nghệ thuật nhân hóa, so sánh.  - Thu, nhận xét chung về tinh thần làm bài  **3. HĐ vận dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | -HS đọc đề.  **Đề bài**: Kể một câu chuyện em đã được nghe hoặc được đọc về một người có tấm lòng nhân hậu.  - HS nêu: Cấu tạo 3 phần (Mở đầu, diễn biến, kết thúc)  + 2 cách MB: Trực tiếp và gián tiếp  + 2 cách KB: Mở rộng và không mở rộng  - HS đọc lại dàn ý  - HS làm bài.  - HS nộp bài.  - Nêu lại cấu tạo bài văn kể chuyện  - Suy nghĩ về các tính tiết sáng tạo trong câu chuyện để ĐỒ DÙNG DẠY HỌC cho tiết trả bài |

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**NƯỚC CẦN CHO SỰ SỐNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt:

+Nước giúp cơ thể hấp thu được những chất dinh dưỡng hoà tan lấy từ thức ăn và tạo thành các chất cần cho sự sống của sinh vật. Nước giúp thải các chất thừa, chất độc hại.

+ Nước được sử dụng trong đời sống hằng ngày, trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được tầm quan trọng của nước và vai trò của nước.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***TKNL:*** *HS biết được nước cần cho sự sống của con người, động vật, thực vật như thế nào, từ đó hình thành ý thức tiết kiệm nước.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: + HS chuẩn bị cây trồng từ tiết 22.

+ Các hình minh hoạ SGK trang 50, 51 (phóng to nếu có điều kiện).

+ Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên trang 49 / SGK.

- HS: Chuẩn bị giấy A4, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động** (5p)  *+ Hãy vẽ và trình bày vòng tuần hoàn của nước.*  - GV nhận xét, khen/ động viên. | - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  - 2- 3 HS lên bảng |
| **2.khám phá: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **HĐ1: Tìm hiểu vai trò của nước đối với đời sống của con người ĐV và TV.**  - GV yêu cầu HS nộp tư liệu và tranh ảnh đã sưu tầm.  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.  + Nhóm 1: *Điều gì sẽ xảy ra nếu cuộc sống của con người thiếu nước?*  + Nhóm 2: *Điều gì sẽ xảy ra nếu cây cối thiếu nước?*  + Nhóm 3: *Nếu không có nước cuộc sống động vật sẽ ra sao?*  \* Kết luận: (mục bạn cần biết)  - Gọi 2 HS đọc mục Bạn cần biết.  **Hoạt động 2: Vai trò của nước trong một số hoạt động của con người.**  *+ Trong cuộc sống hàng ngày con người còn cần nước vào những việc gì?*  - GV ghi nhanh các ý kiến không trùng lập lên bảng.  *+ Nước cần cho mọi hoạt động của con người. Vậy nhu cầu sử dụng nước của con người chia ra làm 3 loại đó là những loại nào?*  - Yêu cầu HS sắp xếp các dẫn chvận sử dụng nước của con người vào cùng nhóm.  \* Kết luận: .......  **3. Hoạt động vận dụng** (1p)  **Liên hệ giáo dục TKNL:** Con người cần nước vào rất nhiều việc. Vậy tất cả chúng ta hãy giữ gìn và bảo vệ nguồn nước ở ngay chính gia đình và địa phương mình. Cũng cần có các biện pháp tiết kiệm nước  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* | **Nhóm 4 - Lớp**  - HS nhận nhiệm vụ.  + HS thảo luận theo nhóm. (nghiên cứu tư liệu và đọc mục Bạn cần biết).  - Đại diện các nhóm lên trình bày trước lớp.  *+ Thiếu nước con người sẽ không sống nổi. Con người sẽ chết vì khát. Cơ thể con người sẽ không hấp thụ được các chất dinh dưỡng hòa tan lấy từ thức ăn.*  *+ Nếu thiếu nước cây cối sẽ bị héo*, *chết, cây không lớn hay nảy mầm được.*  *+ Nếu thiếu nước động vật sẽ chết khát, một số loài sống ở môi trường nước như cá, tôm, cua sẽ bị tiệt chủng.*  - HS đọc.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Uống, nấu cơm, nấu canh.*  *+ Tắm, lau nhà, giặt quần áo.*  *+ Đi bơi, tắm biển.*  *+ Đi vệ sinh.*  *+ Tắm cho súc vật, rửa xe.*  *+ Trồng lúa, tưới rau, trồng cây non.*  *+ Quay tơ.*  *+ Chạy máy bơm, ô tô.*  *+ Chế biến hoa quả, cá hộp, thịt hộp, bánh kẹo.*  *+ Sản xuất xi măng, gạch men.*  *+ Tạo ra điện.*  *+ Con người cần nước để sinh hoạt, vui chơi, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.*  **HS làm việc nhóm 4- Chia sẻ lớp**  - Báo cáo kết quả. Nhận xét, bổ sung.  **Nhóm 1: *Vai trò của nước trong sinh hoạt***  Uống, nấu cơm, nấu canh.  Tắm, lau nhà, giặt quần áo.  Đi bơi, đi vệ sinh.  Tắm cho súc vật, rửa xe, …  **Nhóm 2: *Vai trò của nước trong SX nông nghiệp***  Trồng lúa, tưới rau, trồng cây non, tưới hoa, tưới cây cảnh, ươm cây giống, gieo mạ, …  **Nhóm 3: *Vai trò của nước trong SXCN***  Quay tơ chạy máy bơm nước, chạy ô tô, chế biến hoa quả, làm đá, chế biến thịt hộp, cá hộp, làm bánh kẹo, sản xuất xi măng, gạch men, tạo ra điện,  - HS nêu các biện pháp tiết kiệm nước  - Vẽ tranh tuyên truyền về tiết kiệm nước. |

**GDTT**

**SINH HOẠT LỚP**

**ÔN**

**TOÁN: NHÂN VỚI SÓ CSO HAI CHỮ SỐ**

**KĨ NĂNG SỐNG**

**PHÒNG TRÁNH XÂM HẠI TÌNH DỤC T2**

|  |  |
| --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | Quận 8, ngày 14 tháng 11 năm 2022  **KHỐI TRƯỞNG**  **KÍ DUYỆT**  Kế hoạch bài dạy được soạn đầy đủ, đúng quy định. Giáo viên có tích hợp ở các môn học.    **Nguyễn Thị Thanh Vân** |